

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025
Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico



Thời gian: 8h30', thứ năm ngày 28 tháng 8 năm 2025

Địa điểm: Hội trường số 1, Văn phòng Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico (Tổ dân phố Phú Xá 3, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên).

TT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện	Hình thức biểu quyết
1	8h30-8h45	- Tiếp đón Đại biểu và Cổ đông - Kiểm tra thông tin cổ đông	Ban tổ chức Ban KT thông tin CD	
2	8h45-9h00	- Báo cáo kết quả kiểm tra thông tin cổ đông tham dự Đại hội - Giới thiệu đại biểu - Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội - Mời Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa - Khai mạc Đại hội	Ban KT thông tin CD Ban tổ chức Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
3	9h00-9h05	- Giới thiệu, thông qua Tổ thư ký - Giới thiệu, thông qua Tổ kiểm phiếu	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
4	9h05-9h10	- Thông qua chương trình đại hội	Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
5	9h10-10h00	- Tờ trình thông qua Sửa đổi bổ sung lần thứ 5, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty	Đoàn Chủ tọa Đại hội	Thẻ biểu quyết
6		- Tờ trình phê duyệt Phương án rà soát, sắp xếp tổ chức của Công ty		Thẻ biểu quyết
7		- Tờ trình về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025.		Thẻ biểu quyết
8		- Tờ trình thông qua chủ trương điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư Dự án Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên.		Thẻ biểu quyết
9		- Tờ trình thông qua ĐA thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ quặng chì kẽm Chợ Điền trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số 09/GP-BTNMT ngày 17/01/2022 của Bộ TNMT		Thẻ biểu quyết
10		- Tờ trình thông qua ĐA thăm dò nâng cấp trữ lượng quặng thiếc gốc tiểu khu phía Nam, khu Tây Núi Pháo, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên trong ranh giới Giấy phép khai thác khoáng sản số 1689/GP-BTNMT ngày 12/7/2017 của Bộ TNMT		Thẻ biểu quyết
11		- Tờ trình thông qua ĐA thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ kẽm chì Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên trong ranh giới Giấy phép khai thác khoáng sản số 2305/GP-BTNMT ngày 15/11/2013 của Bộ TNMT		Thẻ biểu quyết

TT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện	Hình thức biểu quyết
12	10h05-10h15	- Thảo luận các nội dung (STT từ 5-11) - Biểu quyết	Chủ tọa Đại hội Ban kiểm phiếu	Thẻ biểu quyết
13	10h15-10h30	- Nghỉ giải lao		
14	10h30-10h40	- Biên bản kiểm phiếu	Tổ kiểm phiếu	
15	10h40-10h50	- Trình bày Biên bản, Nghị quyết Đại hội. - Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội	Thư ký Đại hội Chủ tọa ĐH	Thẻ biểu quyết
16	10h50	- Bế mạc Đại hội		

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

DỰ THẢO

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025**

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 (sau đây gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và thể lệ biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.

3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung được quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp Đại hội được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty.

**Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, ĐIỀU KIỆN
NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG**

Điều 3. Điều kiện tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường

Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 01/8/2025 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) xác nhận.

Điều 4. Quyền của cổ đông và người được đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường

Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường theo một trong các hình thức sau đây:

1. Trực tiếp tham dự họp Đại hội.

2. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền thì ủy quyền cho người khác dự họp, người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

Trường hợp cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện.

3. Được Ban tổ chức thông báo công khai nội dung chương trình Đại hội.

4. Phát biểu, thảo luận và biểu quyết tất cả các nội dung trong chương trình Đại hội đồng cổ đông bất thường thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Tại Đại hội đồng cổ đông bất thường, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết trong đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó sau khi đăng ký tham dự họp Đại hội với Ban kiểm tra thông tin cổ đông.

6. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội đồng cổ đông bất thường.

7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội đồng cổ đông bất thường. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký, trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội mang theo các giấy tờ sau:

a) Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực.

b) Giấy ủy quyền theo mẫu gửi kèm theo Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông bất thường. Trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường: (i) nếu cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi cổ đông đó; (ii) nếu cổ đông là pháp nhân/ tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và ký của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.

c) Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban kiểm tra thông tin cổ đông.

2. Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường không nhận Thẻ biểu quyết tại Đại hội, nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận Thẻ biểu quyết.

3. Người được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

4. Trong thời gian diễn ra Đại hội, cổ đông/đại diện của cổ đông phải tuân thủ theo hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định tại Điều 19, Điều lệ Công ty.

6. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi Đại hội đồng cổ đông bất thường biểu quyết mà không thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như là "không có ý kiến" với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội sau đó. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi Đại hội biểu quyết, nhưng đã thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó được coi là không tham gia biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6. Chủ tọa Đại hội

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa Đại hội.

2. Chủ tọa đại hội có thể mời 01 thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành Công ty để cùng điều hành Đại hội đồng cổ đông bất thường.

3. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm sau:

- a) Chủ trì, điều khiển Đại hội đồng cổ đông bất thường;
- b) Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Đại hội;
- c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- d) Trả lời hoặc chỉ định thành viên Ban chủ tọa trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- đ) Làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung, dân chủ, điều hành Đại hội một cách hợp lệ, nghiêm túc và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền sau:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc sử dụng các biện pháp an ninh khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội;
- c) Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác theo quy định tại Khoản 8 Điều 146, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Khoản 7 Điều 19, Điều lệ Công ty.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thư ký Đại hội

1. Thư ký Đại hội gồm 02 thành viên do Chủ tọa đề cử để giúp việc Đại hội và được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Thư ký Đại hội có nhiệm vụ:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung của Đại hội.

b) Dự thảo kết luận và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu. Trình bày trước Đại hội về biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Đại hội.

c) Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu, ý kiến khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu tối đa không quá 05 (năm) thành viên, gồm 01 (một) Trưởng ban và các thành viên kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông bất thường biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm phiếu

a) Hướng dẫn cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường cách sử dụng thẻ biểu quyết. Thực hiện việc kiểm, đếm số thẻ biểu quyết theo từng loại: tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi Đại hội biểu quyết.

b) Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

c) Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của Đại hội.

d) Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

e) Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu cho Thư ký Đại hội.

f) Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm tra thông tin cổ đông

1. Ban kiểm tra thông tin cổ đông tối đa không quá 03 (ba) thành viên, gồm Trưởng ban và các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra thông tin cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Căn cước hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp: Thẻ biểu quyết các tài liệu khác có liên quan đến cuộc họp.

c) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra thông tin cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc Đại hội;

- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (khi cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

2. Trường hợp người đến dự họp không đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra thông tin cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp thẻ biểu quyết và các tài liệu khác có liên quan đến cuộc họp.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

Điều 10. Tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông đã chốt ngày 01/8/2025 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) xác nhận. Ban kiểm tra thông tin cổ đông thông báo số lượng tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

2. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 nói trên thì việc triệu tập và Đại hội các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.

2. Trình tự tổ chức Đại hội (*Xem chương trình Đại hội gửi kèm theo*)

3. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp, các thay đổi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủ tọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, đưa ra ý kiến chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa hoặc điền vào phiếu câu hỏi gửi cho Thư ký đại hội để chuyển tới Chủ tọa đại hội.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn, tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội thông qua. Chủ tọa Đại hội có quyền đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

3. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá năm (5) phút. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Chủ tọa phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết: Các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

2. Hình thức biểu quyết: Cổ đông biểu quyết từng nội dung theo chương trình Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết được quy định cụ thể tại chương trình đại hội.

a) Khi biểu quyết một nội dung được Đại hội đưa ra, các cổ đông giơ thẻ biểu quyết lên cao;

b) Đối với từng nội dung cần biểu quyết, Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến theo trình tự: tán thành; không tán thành; không có ý kiến.

4. Điều kiện thông qua

a) Các quyết định của Đại hội sẽ được thông qua khi có từ **65%** trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp pháp tham dự Đại hội biểu quyết tán thành.

b) Đối với nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; sáp nhập, tổ chức lại hay giải thể Công ty, các quyết định của Đại hội sẽ được thông qua khi có từ **75%** trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp pháp tham dự Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 14. Thẻ biểu quyết

1. Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban kiểm tra thông tin cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp việc cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

2. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Điều 15. Biên bản họp Đại hội, dự thảo nghị quyết Đại hội

1. Biên bản họp Đại hội

a) Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký ghi vào biên bản họp Đại hội. Chủ tọa và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản họp Đại hội.

b) Biên bản họp phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Biên bản Đại hội đồng cổ đông bất thường phải được công bố trên website Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày bế mạc Đại hội đồng cổ đông.

2. Căn cứ biên bản họp Đại hội, báo cáo kết quả kiểm tra thông tin cổ đông, báo cáo kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu và các tài liệu ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội đồng cổ đông bất thường phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông bất thường là cơ sở để đưa ra Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ biên bản họp Đại hội, báo cáo kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu. Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp kết quả và đưa vào dự thảo Nghị quyết. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường phải được công bố trên website Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày bế mạc Đại hội.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico bao gồm 04 chương, 17 điều. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông bất thường biểu quyết thông qua.

2. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này. Các cổ đông tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

3. Đại hội đồng cổ đông bất thường quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lý Xuân Tuyên

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU
THÁI NGUYÊN - VIMICO

Số: 2740 /TTr - TMC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 8 năm 2025

TỜ TRÌNH

Sửa đổi bổ sung (lần thứ 5) một số nội dung
tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty ban hành kèm theo
Quyết định số 3133/QĐ-TMC ngày 20/9/2022 của Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico sửa đổi bổ sung lần thứ 4 ban hành kèm theo Quyết định số 3133/QĐ - TMC ngày 20/9/2022 của Hội đồng quản trị Công ty;


Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2025 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025.

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 sửa đổi bổ sung (lần thứ 5) một số nội dung tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico ban hành kèm theo Quyết định số 3133/QĐ-TMC ngày 20 tháng 9 năm 2022 theo thẩm quyền để phù hợp với quy định hiện hành và thực tế sản xuất của Công ty.

(Có tài liệu chi tiết gửi kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận.

Trân trọng !

Nơi nhận: 
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 




Lý Xuân Tuyên

TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC CÔNG TY NĂM 2025

TT	Điều khoản	Nội dung tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do SDBS
1	Căn cứ	- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2025.	Luật Doanh nghiệp năm 2025 đã được sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025
2	Phần mở đầu – Mục 3	3. Điều lệ này được sửa đổi bổ sung lần thứ 4 , được Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty thông qua vào ngày tháng năm 2022	3. Điều lệ này được sửa đổi bổ sung lần thứ 5 , được Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty thông qua vào ngày tháng năm 2025 ;	
3	Khoản 5 Điều 2 – Trụ sở đăng ký của Công ty	Tổ 6, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.	Phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên	Thay đổi địa giới hành chính.
4	Điểm c, Khoản 3, Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng , khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Giám đốc Công ty, Phó giám đốc công ty, Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc chi nhánh và đơn vị trực thuộc, Trưởng phòng và các chức danh khác theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Thông qua đề Giám đốc Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Phó Giám đốc chi nhánh, đơn vị trực thuộc, Phó Trưởng phòng và các chức danh quản lý khác theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Quyết định cử người đại diện thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác cùng với mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý Công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).	c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Giám đốc Công ty, Phó giám đốc công ty, Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc chi nhánh và đơn vị trực thuộc, Trưởng phòng và các chức danh khác theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Thông qua đề Giám đốc Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Phó Giám đốc chi nhánh, đơn vị trực thuộc, Phó Trưởng phòng và các chức danh quản lý khác theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Quyết định cử người đại diện thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác cùng với mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý Công ty	Phù hợp với quy định hiện hành

TT	Điều khoản	Nội dung tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do SDBS
			không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).	
5	Điểm c, Khoản 4 Điều 30 bổ nhiệm, bãi miễn, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	c) Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương của Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc chi nhánh và các đơn vị trực thuộc, Trưởng phòng và các chức danh khác theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty và cử, bãi miễn người đại diện quản lý phần vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác;	c) Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương của Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc chi nhánh và các đơn vị trực thuộc, Trưởng phòng và các chức danh khác theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty và cử, bãi miễn người đại diện quản lý phần vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác;	Phù hợp với quy định hiện hành
6	Khoản 1, Điều 55, hiệu lực thi hành	1. Bản Điều lệ này gồm XIII chương và 55 điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico nhất trí thông qua ngày 10 tháng 6 năm 2014 và được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 nhất trí thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung ngày tháng năm 2022 tại Trụ sở Công ty, tổ 6 phường Phú Xá thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Bản Điều lệ này gồm XIII chương và 55 điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico nhất trí thông qua ngày 10 tháng 6 năm 2014 và được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 nhất trí thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung ngày tháng năm 2025 tại Trụ sở Công ty, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	
7	Khoản 2, Điều 55, hiệu lực thi hành	2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó: - 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;	Bỏ nội dung này	Pháp luật không yêu cầu nộp Điều lệ công ty tại Phòng công chứng
8		Tại các điều khoản: - Điểm e, Khoản 3, Điều 11; - Điểm c, Khoản 4, Điều 15; - Điểm c, Khoản 3, Điều 21;	Bỏ cụm từ “ giấy chứng minh nhân dân”	Do thẻ CCCD và CMND hiện tại đã đổi thành “căn cước” phù hợp với Điểm 16, Luật DN năm 2025 có hiệu lực từ 1/7/2025

TT	Điều khoản	Nội dung tại Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do SDBS
9		Tại các điều khoản: - Điểm d, Khoản 3, Điều 25; - Điểm f, Khoản 4, Điều 30;	Thay cụm từ “giải thể chi nhánh” thành “chấm dứt hoạt động chi nhánh”.	Theo quy định của Điểm 24 Luật Doanh nghiệp năm 2025 có hiệu lực từ 1/7/2025.

Số: 2741 /TTr - TMC

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 8 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt Phương án rà soát, sắp xếp tổ chức của Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico sửa đổi bổ sung lần thứ 4 ban hành kèm theo Quyết định số 3133/QĐ - TMC ngày 20/9/2022 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ công văn số 3258/TKV-TCNS ngày 05/6/2025 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Công văn số 1445/VIMICO-TCLĐ ngày 09/6/2025 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV về việc định hướng rà soát mô hình tổ chức, định biên lao động mô hình mẫu.

Căn cứ kế hoạch SXKD của Công ty giai đoạn 2025-2030 và điều kiện thực tế sản xuất tại các đơn vị/chi nhánh, Công ty xây dựng Phương án rà soát, sắp xếp tổ chức của Công ty đảm bảo mục tiêu tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành góp phần tăng hiệu quả SXKD, cải thiện thu nhập cho người lao động (Có Phương án gửi kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt Phương án rà soát, sắp xếp tổ chức của Công ty và giao Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty triển khai theo quy định hiện hành.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lý Xuân Tuyên

**PHƯƠNG ÁN RÀ SOÁT,
SẮP XẾP TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY**

(Ban hành kèm theo tờ trình số ST/41 /TTr-TMC của HĐQT Công ty)

Tuân thủ chủ trương của Chính phủ; chỉ đạo, hướng dẫn của của Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam và Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Công ty xây dựng Phương án rà soát, sắp xếp tổ chức định biên lao động để hợp lý hóa, cơ cấu lại tổ chức, các hoạt động SXKD, đầu tư cho phù hợp với mục tiêu chiến lược của Công ty; đảm bảo Công ty có đủ nguồn lực lao động phù hợp với sản xuất, tối ưu hóa chi phí nhân sự và nâng cao hiệu suất làm việc; bên cạnh đó, tăng cường tính hiệu quả trong điều hành quản lý, từng bước cải thiện tình hình tài chính và kinh doanh nâng cao mức tiền lương, thu nhập cho người lao động; đồng thời cũng chính là nhiệm vụ chiến lược để thực hiện nhiệm vụ trọng tâm chính của giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Đảm bảo nguyên tắc “*tinh gọn bộ máy*”, “*tinh giản lao động*” đảm bảo đủ lao động làm việc trong dây chuyền sản xuất chính, tiếp tục thực hiện tái cơ cấu lực lượng lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ, Công ty cần phải triển khai rà soát lại cơ cấu tổ chức và định biên lao động từ Công ty đến các đơn vị/chi nhánh đáp ứng tốt cho quản lý điều hành.

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN RÀ SOÁT, SẮP XẾP

1. Mục tiêu

- Tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả điều hành;
- Giảm tối đa số lượng và nâng cao chất lượng lao động; đưa tỷ lệ lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ về mức hợp lý, phù hợp với điều kiện SXKD của các đơn vị thành viên.
- Tăng năng suất lao động, góp phần tăng hiệu quả SXKD, cải thiện tiền lương thu nhập cho người lao động

2. Nội dung

- Là việc sắp xếp lại phòng chức năng, công trường/ phân xưởng, xí nghiệp có quy mô tương đồng trong thực hiện nhiệm vụ, tính chất ngành nghề, vị trí địa lý nhưng phải phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh, quy trình công nghệ hiện có, giảm đầu mối trung gian.
- Tái cơ cấu về lực lượng lao động: Là việc sắp xếp, định biên lại lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ theo vị trí việc làm;
- Tăng cường đổi mới công nghệ, áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất nhất là trong khai thác hầm lò để tăng năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc cho NLĐ;

- Cải tiến quy trình làm việc, tự động hóa, tin học hóa một số công việc.
Tăng cường thực hiện chuyển đổi số trong giải quyết công việc

II. HIỆN TRẠNG CƠ CẤU TỔ CHỨC LAO ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Tại trụ sở Văn phòng Công ty

Mô hình quản trị, bộ máy quản lý, phòng chức năng Công ty tham mưu:

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT gồm Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên HĐQT, hoạt động theo nhiệm kỳ là 5 năm.
- Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra để thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát: gồm Trưởng ban và 04 kiểm soát viên, hoạt động theo nhiệm kỳ là 5 năm.
- Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, điều hành kế hoạch giao khoán, kế hoạch phối hợp và kinh doanh của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm.
- Phó Giám đốc Công ty: Giúp việc cho Giám đốc Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.
- Kế toán trưởng Công ty: Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty; giúp Giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng theo quy định tại Luật Kế toán, quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Có 9 phòng chuyên môn, nghiệp vụ tham mưu giúp việc gồm:
 - + Văn phòng Công ty: Có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý văn phòng; quản trị hành chính; bảo vệ quân sự, công tác văn hóa xã hội, công tác cộng đồng, VH TT, công tác đoàn thể.
 - + Phòng Tổ chức Lao động: Có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác tổ chức bộ máy quản lý; công tác cán bộ, lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng, y tế và công tác thanh tra pháp chế.
 - + Phòng Tài chính Kế toán: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý hệ thống tài chính, kế toán, thống kê toàn Công ty.
 - + Phòng Kế hoạch Kinh tế: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác xây dựng, quản lý kế hoạch sản xuất và giá thành sản phẩm toàn Công ty; công tác kinh doanh bán hàng, cung ứng vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và vận tải hàng hóa.

+ Phòng Đầu tư Xây dựng: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng công trình và quản lý đất đai toàn Công ty.

+ Phòng Kỹ thuật Mỏ: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc trong lĩnh vực công tác quản lý công nghệ khai thác mỏ; công nghệ tuyển khoáng; công tác trắc địa mỏ; công tác địa chất mỏ, thăm dò khoáng sản phát triển tài nguyên; công tác quy hoạch khoáng sản phát triển mỏ; Công tác quản lý sử dụng VNLCN.

+ Phòng Kỹ thuật Luyện kim - KCS: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc quản lý về công nghệ, kỹ thuật luyện kim, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

+ Phòng Kỹ thuật Cơ điện: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc thực hiện quản lý về công tác cơ, điện của Công ty.

+ Phòng An toàn - Môi trường: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác quản lý an toàn, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

2. Các chi nhánh, đơn vị thành viên

2.1. Khối sản xuất luyện kim

(1) Phân xưởng Luyện kim màu II

Là phân xưởng trực thuộc Công ty hoạt động theo kế hoạch SXKD của công ty, thực hiện sự phân cấp quản lý của công ty trong quản lý và điều hành sản xuất bột ôxit kẽm 60% ZnO và các nhiệm vụ khác.

(2) Nhà máy Kẽm điện phân Thái Nguyên

Là chi nhánh của Công ty có chức năng SXKD theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quy định của Pháp luật; thực hiện sự phân cấp quản lý do Công ty giao trong việc quản lý, điều hành và tổ chức sản xuất kẽm kim loại > 99,95%, axit sunfuric, các sản phẩm khác như đồng cadimi xộp, chì, Sunphat kẽm...

- Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động gồm có:

+ Giám đốc, Phó Giám đốc;

+ 03 phòng chức năng gồm phòng Tổng hợp, phòng Kỹ thuật - ATMT, phòng Kế hoạch điều độ;

+ 03 phân xưởng sản xuất: PX Năng lượng; PX Thiêu & SX Axit và Phân xưởng Hòa tách Điện phân.

2.2. Khối sản xuất mỏ - tuyển

(1) Xí nghiệp Kẽm chì Làng Hích

Là chi nhánh của Công ty có chức năng SXKD theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quy định của Pháp luật; thực hiện sự phân cấp quản lý do Công ty giao trong việc quản lý, điều hành tổ chức sản xuất khai thác, tuyển khoáng quặng kẽm chì sunfua, oxit; vận tải sản phẩm, bán thành phẩm và thực hiện các hoạt động SXKD khác theo chỉ tiêu, định mức, kế hoạch giá thành Công ty giao.

- Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động gồm:

- + Giám đốc, Phó Giám đốc;
- + 03 phòng chức năng gồm phòng Tổng hợp, phòng Kỹ thuật An toàn, phòng Kế hoạch Vật tư
- + 03 PX sản xuất: PX khai thác, PX Tuyển khoáng và PX Cúc Đường.

(2) Xí nghiệp Thiếc Đại từ

Là chi nhánh của Công ty có chức năng SXKD theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quy định của Pháp luật; thực hiện sự phân cấp quản lý do Công ty giao trong việc tổ chức quản lý bảo vệ tài sản, máy móc thiết bị, an ninh trật tự và địa giới ranh giới mỏ.

- Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động gồm:
- + Giám đốc, Phó Giám đốc;
- + 03 phòng chức năng phòng Tổng hợp, phòng KT công nghệ - ATMT và phòng Kinh tế;
- + 02 phân xưởng là PX khai thác; PX Tuyển khoáng.

(3) Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn – TMC

Là chi nhánh của Công ty có chức năng SXKD theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ công ty, quy định của Pháp luật; thực hiện sự phân cấp quản lý do Công ty giao trong việc quản lý, điều hành tổ chức sản xuất và khai thác, tuyển khoáng quặng kẽm - chì; vận tải sản phẩm và thực hiện các hoạt động SXKD khác theo chỉ tiêu định mức, kế hoạch giá thành của Công ty.

- Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động của gồm:
- + Giám đốc, 02 Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
- + 04 phòng quản lý chức năng: phòng Tổ chức Hành chính; phòng Kỹ thuật An toàn; phòng Kế hoạch Kinh tế; phòng Kế toán Thống kê ;
- + 05 phân xưởng sản xuất: PX Khai thác I; PX khai thác II; PX Đèo An-Tham Tàu; PX Lũng Cháy - Khuổi Khem; PX Tuyển khoáng.

2.3 Công ty liên doanh

Công ty liên doanh công nghiệp kẽm Việt Thái (Xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Cạn). Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico sở hữu 40% vốn góp. Hiện nay đang phối hợp để triển khai thực hiện thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Cơ cấu lao động

TT	Đơn vị	Tổng số lao động	LĐ quản lý	LĐ công nghệ	LĐ phục vụ, phụ trợ
1	CN kim loại màu Bắc Kạn	385	45	244	96
2	XNKC Làng Hích	224	31	145	48
3	XN Thiếc Đại Từ	163	23	108	32
4	NM Kẽm điện phân TN	318	32	223	63
5	PX LKMII	70	5	44	21

TT	Đơn vị	Tổng số lao động	LĐ quản lý	LĐ công nghệ	LĐ phục vụ, phụ trợ
6	Cơ quan Công ty	112	59		53
	Tổng	1.272	195	764	313

(Số liệu lao động tính đến thời điểm 31/12/2024)

4. Kết quả thực hiện

a) Các giải pháp triển khai

Trong giai đoạn 2020-2024, Công ty đã tìm các giải pháp để cơ cấu lại tổ chức các đơn vị để phù hợp sản xuất cụ thể:

Công ty đã thực hiện tái cơ cấu giai đoạn 2018-2020 và đã được ĐHĐCĐ thông qua tại NQ số 53/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/11/2018 thực hiện theo Quyết định số 316/QĐ-TKV ngày 02/4/2018 của Tổng Công ty Khoáng sản - TKV phê duyệt Đề án tái cơ cấu TCT Khoáng sản TKV - CTCP giai đoạn 2017-2020 và Công văn số 1547/VIMICO-TCLĐ ngày 06/7/2018 của TCT Khoáng sản - TKV về việc triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu Tổng công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2017-2020.

- Năm 2022, ĐHĐCĐ bất thường năm 2022 đã thông qua đề án sáp nhập Công ty TNHH MTV kim loại màu Bắc Kạn vào Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên- Vimico, và thành lập Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn kể từ ngày 01/9/2022 tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐQT ngày 26/8/2022.

- Ngày 01/6/2022 tại XNKC Làng Hích thực hiện sáp nhập 02 PX khai thác I và PX khai thác II và thành lập PX khai thác. Như vậy từ 04 PX giảm xuống còn 03 phân xưởng trực thuộc XN.

Đối với giải pháp thực hiện định biên lao động: Năm 2020 đã triển khai quyết liệt công tác cơ cấu, định biên lao động thực hiện dịch chuyển lao động từ các đơn vị luyện kim (dư thừa lao động) đến các đơn vị mỏ (XN thiếc Đại Từ, XN kẽm chì Làng Hích). Số lao động cơ cấu lại tại 2 đơn vị luyện kim là 56 lao động; trong đó: 8 lao động thực hiện điều động đến đơn vị mỏ; 14 người đồng ý đào tạo lại nghề, bố trí công việc khác, số lao động còn lại Công ty đã xây dựng Phương án sử dụng lao động báo cáo Sở LĐTB & XH tỉnh Thái Nguyên và giải quyết quan hệ lao động theo quy định.

b) Kết quả đã đạt được

- Về cơ cấu tổ chức: Đã tinh gọn cơ cấu tổ chức (i) Giảm được 01 phân xưởng trực thuộc Công ty; (ii) Tại XNKC Làng Hích từ 4 phân xưởng về 3 phân xưởng (do sáp nhập PX khai thác I, PX khai thác II); (iii) Chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên KLM Bắc Kạn (Công ty con) thành Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn (Chi nhánh của Công ty), giảm đầu mối cấp quản lý.

- Về cơ cấu, định biên lao động: Đã giải quyết được số lao động dôi dư tại đơn vị luyện kim, đồng thời dịch chuyển lao động sang các đơn vị mỏ có nhu cầu lao động (khi dự án Đại Từ đi vào hoạt động, XN kẽm chì Làng Hích tổ chức sản xuất khi được cấp lại Giấy phép khai thác), đảm bảo được việc làm và thu

nhập cho người lao động của Công ty. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NN và địa phương, mang lại hiệu quả SXKD có lợi nhuận, đảm bảo vốn Nhà nước tại Công ty luôn được bảo toàn và phát triển.

c) Khó khăn, bất cập

Mặc dù Công ty đã tập trung tìm các giải pháp để giảm lao động quản lý, tuy nhiên do đặc thù sản xuất, địa bàn hoạt động chủ yếu vùng sâu vùng xa, hẻo lánh, công trường phân tán không tập trung, các mỏ đều ở rất xa so với trụ sở chính của Công ty, đi lại phức tạp, khó khăn; Công trường khai thác trải dài trên diện tích rộng thuộc địa bàn quản lý của nhiều xã, nhiều huyện và 02 tỉnh cụ thể: Đối với mỏ kẽm chì Chợ Điện nằm cách xa Công ty (tỉnh Thái Nguyên) với khoảng cách địa lý 180 km, gồm 13 điểm mỏ nằm phân tán, nhỏ lẻ cách xa Văn phòng của Chi nhánh, từ trụ sở chi nhánh đến các PX sản xuất trung bình là 10 km, có công trường cách xa trụ sở Chi nhánh là 62 km (Suối Teo); Khuổi Khem (50km); Lũng Cháy (55km). Tại Làng Hích cách xa trụ sở Công ty 30 km; Từ trụ sở XN đến phân xưởng Cúc Đường, xóm Cúc là 35 km; từ trụ sở XN đến khu khai thác Lân Chì là 42 km. Các cửa lò cách xa nhau dẫn tới việc quản lý, điều hành, điều độ sản xuất, cấp vật liệu nổ, vận tải sản phẩm; công tác quản lý sản phẩm, vật tư; bảo vệ an ninh trật tự, ranh giới mỏ... tại các điểm mỏ, khai trường khai thác gặp vô vàn khó khăn.

Bên cạnh đó trong 5 năm gần đây, tỷ lệ lao động khối công nghệ, phục vụ, phụ trợ giảm mạnh do NLĐ xin chấm dứt HĐLĐ, nghỉ chế độ ... do vậy tỷ lệ lao động quản lý của Công ty chưa thực hiện đạt được về tỷ lệ mẫu so với quy định của Tập đoàn TKV và Tổng Công ty khoáng sản mặc dù Công ty đã quyết liệt trong việc cơ cấu tổ chức, định biên lao động.

III. PHƯƠNG ÁN RÀ SOÁT, SẮP XẾP TỔ CHỨC CÔNG TY

1. Cơ cấu tổ chức

- Do đặc thù về hoạt động SXKD vì vậy Công ty vẫn tiếp tục thực hiện mô hình quản lý và cơ cấu tổ chức như hiện nay. Công ty thực hiện phân cấp thẩm quyền đến các chi nhánh/đơn vị thành viên để thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh được giao. Cơ cấu tổ chức của Công ty không vượt quá số đầu mối theo mô hình công văn số 6198/TKV-TCNS ngày 27/12/2017 của TKV và công văn số 420/VIMICO-TCLĐ ngày 05/3/2018 và Công văn số 2472/VIMICO-TCLĐ ngày 28/10/2019 của TCT Khoáng sản v/v tiếp tục thực hiện đề án TCC TCty giai đoạn 2017-2020.

- Tiếp tục thực hiện tinh giảm đầu mối quản lý các chi nhánh/ xí nghiệp từ 04 đơn vị xuống còn 03 đơn vị, hợp nhất 2 đơn vị có tính chất ngành nghề, vị trí địa lý phù hợp với điều kiện sản xuất và quy trình công nghệ để đảm bảo hiệu quả trong sản xuất điều hành, không có phân xưởng trực thuộc Công ty.

2. Các nhóm giải pháp

Một là: Tiếp tục thực hiện sáng kiến giải pháp kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất đồng thời tăng cường thực hiện các nhóm giải pháp về áp dụng khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong DN nhằm đổi mới quy trình quản

lý, công nghệ, thiết bị giảm lao động, tăng hiệu quả trong sản xuất và tiết giảm tối đa lao động.

Hai là: Xây dựng và hoàn thiện các hệ thống văn bản quản lý (quy chế, quy định...) để phù hợp với quy định hiện hành của NN, quy chế quy định quản lý của TKV, VIMICO để triển khai và áp dụng thống nhất tại Công ty. Đảm bảo thực thi quy định của pháp luật.

Ba là: Tiếp tục những giải pháp tái cơ cấu lực lượng lao động, sắp xếp đổi mới lao động cho phù hợp với vị trí việc làm; Tiếp tục nghiên cứu đổi mới cơ chế, quy định trả lương theo vị trí công việc gắn với hiệu quả năng suất lao động, tránh tình trạng trả lương cao bằng không mang tính khích lệ, động viên những vị trí quyết định đến chất lượng sản phẩm sản xuất của Công ty, vị trí lao động công nghệ (hầm lò, tuyển khoáng, luyện kim). Đồng thời thường xuyên tiến hành sàng lọc phân loại về sức khỏe, độ tuổi, đào tạo cán bộ có tính kế thừa để phù hợp với điều kiện sản xuất đổi mới chất lượng lao động đáp ứng được yêu cầu công việc.

3. Phương án rà soát sắp xếp tổ chức Công ty

3.1 Đối với khu vực Thái Nguyên

(1) Tại cơ quan Công ty thực hiện cơ cấu tổ chức gồm:

- Ban Giám đốc, Kế toán trưởng gồm Giám đốc; 03 Phó giám đốc và Kế toán trưởng.

- Tổ chức Đảng, đoàn thể: 01 đ/c Phó bí thư ĐU, đồng thời giữ chức danh Chủ tịch Công đoàn Công ty

- Đối với các phòng chức năng:

- * *Khối quản lý nghiệp vụ*

- + Giữ nguyên Văn phòng Công ty (hợp nhất Văn phòng Đảng ủy và Văn phòng Công ty): Phòng có chức năng nhiệm vụ thực hiện công tác tham mưu quản trị hành chính - văn phòng; phối hợp với các đơn vị thực hiện công tác đảm bảo ANTT tại các điểm mỏ, công tác bảo vệ quân sự, công tác văn hóa xã hội, công tác cộng đồng, VH TT, công tác đoàn thể đồng thời kiêm nhiệm công tác Văn phòng Đảng ủy.

- + Giữ nguyên phòng Kế hoạch Kinh tế: Hiện nay phòng đang thực hiện chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho Ban điều hành về công tác: (i) xây dựng, quản lý kế hoạch sản xuất và giá thành sản phẩm toàn Công ty; (ii) công tác kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; (iii) cung ứng vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất và vận tải hàng hóa; (iv) công tác điều độ sản xuất, quản trị chi phí; công tác nghiệm thu sản xuất đến các đơn vị trên cơ sở kế hoạch đã giao.

- + Giữ nguyên Phòng Tổ chức Lao động (Hợp nhất Ban Tổ chức Đảng ủy - phòng TCLĐ Công ty): Phòng có chức năng tham mưu giúp việc cho Ban điều hành về công tác tổ chức cơ cấu bộ máy quản lý; công tác cán bộ, lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng, y tế và công tác thanh tra pháp chế; công tác chăm lo sức khỏe người lao động.

+ Giữ nguyên Phòng Đầu tư Xây dựng: Phòng có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho Ban điều hành Công ty trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng công trình và quản lý đất đai toàn Công ty.

+ Giữ nguyên Phòng TCKT để đảm bảo tính độc lập về mặt chuyên môn của công tác kế toán, đồng thời đảm bảo tính chính xác và minh bạch của thông tin tài chính, hạch toán kế toán theo quy định của Luật kế toán năm 2015.

** Khối quản lý kỹ thuật*

+ Giữ nguyên phòng Kỹ thuật Mỏ: Phòng có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho Ban điều hành trong lĩnh vực công tác quản lý công nghệ khai thác mỏ; công nghệ tuyển khoáng; công tác trắc địa mỏ; công tác địa chất mỏ, thăm dò khoáng sản phát triển tài nguyên; công tác quy hoạch khoáng sản phát triển mỏ; Công tác quản lý sử dụng VNLCN.

+ Giữ nguyên phòng An toàn Môi trường: Với chức năng nhiệm vụ tham mưu giúp việc cho Ban điều hành trong công tác an toàn vệ sinh lao động, công tác môi trường; công tác PCCC, CNCH.

+ Sáp nhập phòng Kỹ thuật Luyện kim – KCS và Phòng Kỹ thuật Cơ điện đổi tên gọi thành phòng Cơ điện, Luyện kim - KCS cơ cấu gồm Trưởng phòng, phó phòng, cán bộ kỹ thuật; công nhân hóa phân tích và công nhân KCS.

Với mô hình hoạt động của Công ty như hiện nay, sắp xếp 8 phòng chức năng là phù hợp với điều kiện sản xuất và thực tế.

(2) Thực hiện chấm dứt hoạt động của XN Thiếc Đại từ. Điều chuyển toàn bộ hiện trạng tài sản, máy móc thiết bị và toàn bộ lao động đến làm việc tại XN Kẽm chì Làng Hích.

- Lý do: Mô hình quản lý, mô hình sản xuất, tính chất ngành nghề sản xuất giữa 2 đơn vị khá tương đồng, khoảng cách từ trụ sở Công ty đến Văn phòng XN Kẽm chì Làng Hích khoảng (35 km); từ văn phòng Làng Hích đến Văn phòng XN Thiếc Đại Từ (40 km); từ Văn phòng XNKC Làng Hích đến khai trường Mỏ Cúc Đường \approx 40 km, đường giao thông tương đối thuận tiện khi di chuyển về Công ty và giữa 2 Xí nghiệp, việc chấm dứt hoạt động XN thiếc Đại Từ và điều chuyển nguyên trạng đến XNKC Làng Hích sẽ phù hợp trong công tác quản lý chung của Công ty, đảm bảo được bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu quả.

(3) Đổi tên XN kẽm chì Làng Hích thành CHI NHÁNH MỎ TUYỀN LÀNG HÍCH – TMC quản lý 04 mỏ kẽm chì Làng Hích; mỏ Cúc Đường; mỏ thiếc Tây Nam Núi Pháo và mỏ Phục Linh. Đặt trụ sở tại xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên (nay là xã Quang Sơn, tỉnh Thái Nguyên)

- Mô hình tổ chức của Chi nhánh gồm:

+ Giám đốc;

+ Các Phó Giám đốc,

+ 03 phòng quản lý gồm; Phòng Tổng hợp, Phòng Kế hoạch Kinh tế; phòng Kỹ thuật An toàn Môi trường.

+ 05 phân xưởng gồm: (i) mỏ Làng Hích có PX Khai thác; PX Tuyển khoáng Làng Hích; PX Cúc Đường; (ii) mỏ Núi Pháo có PX khai thác Núi Pháo và PX

tuyển khoáng Núi Pháo. Như vậy Chi nhánh có 03 PX khai thác và 02 PX tuyển khoáng.

(4) Chấm dứt hoạt động của PX Luyện kim màu 2.

Toàn bộ MMTB, phương tiện và toàn bộ lao động của PX điều chuyển về NM Kẽm điện phân Thái Nguyên để thực hiện việc chuyển đổi công nghệ và dự án tuyển bạc.

(5) Tại NM Kẽm điện phân Thái Nguyên.

Tiếp tục thực hiện mô hình sản xuất như hiện nay. Cơ cấu tổ chức lại NM gồm: Giám đốc; Phó Giám đốc.

+ Giữ nguyên 03 phòng nghiệp vụ gồm phòng Tổng hợp, phòng Kế hoạch Kinh tế và phòng Kỹ thuật An toàn Môi trường.

+ Gồm 04 PX sản xuất:

(i) Giữ nguyên 03 phân xưởng hiện có gồm PX Năng lượng; PX Thiêu và SX axít và PX Hòa tách điện phân.

(ii) Thành lập 01 phân xưởng tuyển Ag tại NM Kẽm.

Sử dụng công nghệ tuyển nổi để thu hồi tinh quặng bạc trong bùn thủy luyện kẽm, tận thu tối đa kim loại có ích, đem lại hiệu quả kinh tế. Phân xưởng tuyển bạc sẽ thực hiện công nghệ tuyển nổi (đặc thù) khác với công nghệ của 03 phân xưởng sản xuất hiện có của nhà máy.

Như vậy cơ cấu nhà máy gồm: Giám đốc; Phó Giám đốc; 03 phòng chức năng và 04 phân xưởng sản xuất.

3.2 Đối với khu vực Bắc Kạn

- Giữ nguyên mô hình hoạt động của Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn, về cơ cấu tổ chức của Chi nhánh gồm:

+ Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng

+ Giữ nguyên 04 phòng nghiệp vụ: Tổ chức Hành chính; phòng Kỹ thuật An toàn Môi trường; phòng Kế hoạch Đầu tư; phòng Kế toán Thống kê. Đổi tên gọi phòng Kế hoạch Đầu tư thành phòng Kế hoạch Kinh tế.

+ Thực hiện sáp nhập 02 PX sản xuất là PX Đèo An - Tham Tàu và PX Lũng Cháy - Khuổi Khem để thành lập PX khai thác III; giữ nguyên PX khai thác I, PX khai thác II, PX tuyển khoáng.

Như vậy chi nhánh sẽ gồm 4 phân xưởng có tên gọi: PX khai thác I, PX khai thác II, PX khai thác III và PX tuyển khoáng.

Lý do: (i) Chi nhánh là đơn vị xa nhất trong Công ty; các điểm mỏ phân tán rải rác, không tập trung, điều kiện giao thông đi lại khó khăn, phức tạp. Mô hình hoạt động của chi nhánh hiện nay vẫn đảm bảo công tác quản lý, điều hành từ Công ty đến đơn vị, tổ đội sản xuất, đảm bảo an toàn trong hoạt động khai thác khoáng sản; (ii) Tạo ra các mối quan hệ hài hòa với địa phương nơi doanh nghiệp đứng chân, tạo việc làm cho người dân địa phương có mức thu nhập ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống góp phần xóa đói giảm nghèo tại vùng sâu vùng xa.

4. Lộ trình thực hiện

- Sau khi phương án được ĐHĐCĐ phê duyệt thông qua, giao HĐQT và Ban điều hành Công ty triển khai trình tự theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Đối với lao động: Thực hiện định biên lao động quản lý, các khối lao động công nghệ, phục vụ - phụ trợ theo quy định của Tập đoàn TKV, Tổng Công ty Khoáng sản.

5. Đề xuất kiến nghị

- Kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét phê duyệt Phương án rà soát, sắp xếp tổ chức của Công ty.

- Đề nghị ĐHĐCĐ, HĐQT xem xét dành một phần chi phí trong sản xuất để thực hiện công tác sắp xếp đổi mới lao động đạt hiệu quả và mục tiêu đã đề ra.

Trên đây là nội dung phương án rà soát cơ cấu tổ chức của Công ty, kính trình ĐHĐCĐ xem xét phê duyệt. /s/ *Nguyễn Xuân Tuyên*

Nơi nhận:

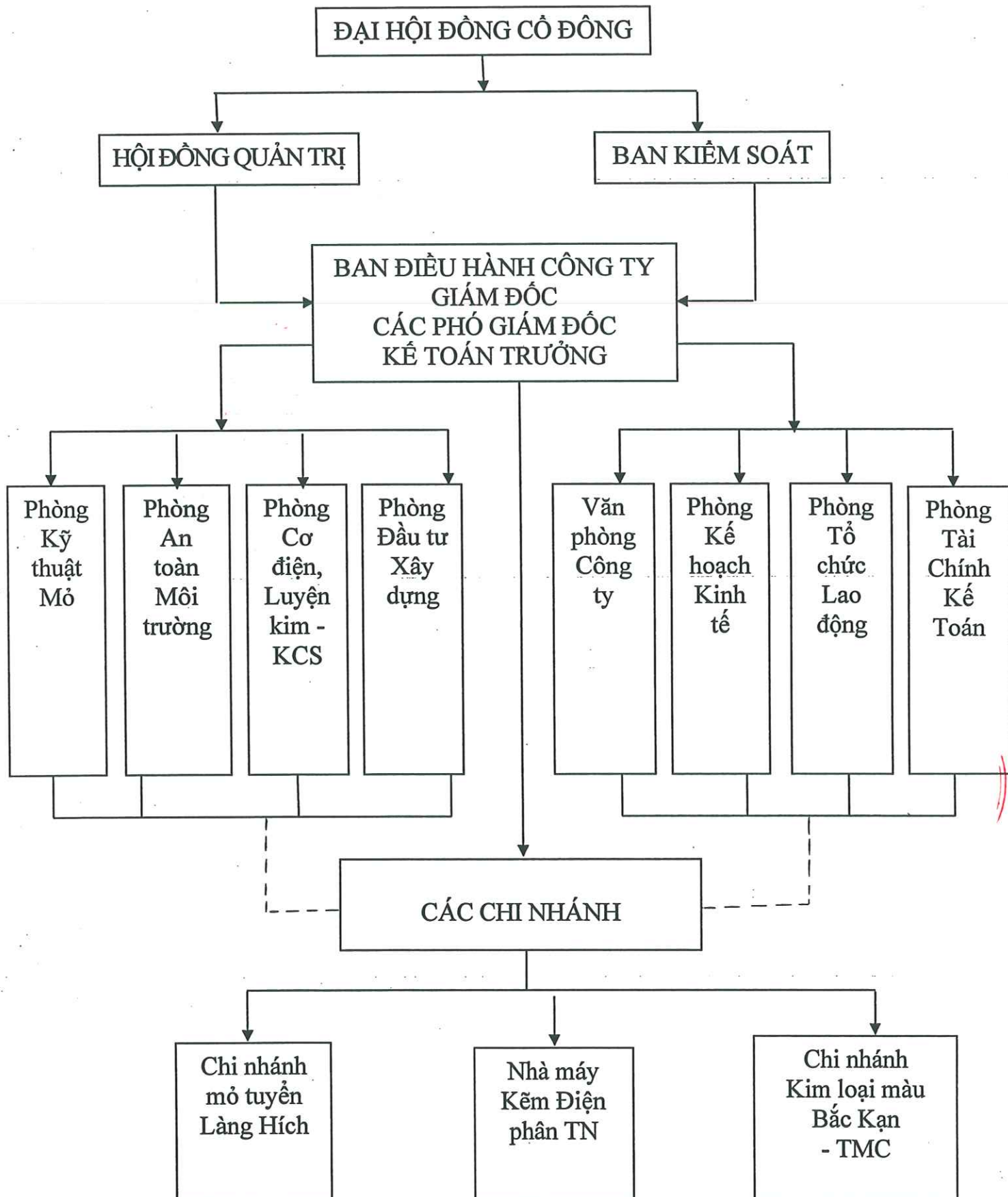
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lý Xuân Tuyên

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY
DỰ KIẾN SAU RÀ SOÁT SẮP XẾP TỔ CHỨC



Số: 2142/TTr-TMC

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 8 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico ban hành sửa đổi theo Quyết định số 3133/QĐ-TMC ngày 20/9/2022 của HĐQT Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico;

Căn cứ nội dung kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025 của Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua;

Căn cứ hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án, công trình: Đầu tư cải tạo gia cố đập bãi chứa quặng đuôi số 1 xưởng tuyển Chợ Điền; Đầu tư xây dựng kho vật liệu nổ công nghiệp khu Phia Khao;

Căn cứ tình hình triển khai thực hiện các dự án, công trình đầu tư 7 tháng đầu năm 2025;

HĐQT Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2025 xem xét thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025. Cụ thể như sau:

1. Giá trị kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025:

- Giá trị kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua: **72.860 triệu đồng.**

- Giá trị kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025 đề nghị điều chỉnh: **64.343 triệu đồng. Giảm: 8.517 triệu đồng.**

2. Các nội dung điều chỉnh:

2.1. Dự án đầu tư xây dựng bãi chứa quặng đuôi tại xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (giai đoạn 2):

- Theo kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua: Giá trị kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2025 là 1.510 triệu đồng.



- Nội dung điều chỉnh: Giá trị kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2025 là 1.117 triệu đồng. Giảm 393 triệu đồng.

- Lý do điều chỉnh: Theo giá trị đã thực hiện hoàn thành.

2.2. Dự án đầu tư cải tạo gia cố đập bãi chứa quặng đuôi số 1 xưởng tuyển Chợ Điền:

- Theo kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua:

+ Tổng mức đầu tư (được duyệt/dự kiến) của dự án: 14.500 triệu đồng.

+ Thời gian thực hiện đầu tư: Năm 2025.

+ Giá trị kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2025: 13.000 triệu đồng.

- Nội dung điều chỉnh:

+ Tổng mức đầu tư (được duyệt/dự kiến) của dự án: 19.551 triệu đồng. Tăng 5.051 triệu đồng.

+ Thời gian thực hiện đầu tư: Năm 2025-2026.

+ Giá trị kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2025: 5.650 triệu đồng. Giảm 7.350 triệu đồng. Giá trị còn lại của dự án thực hiện trong năm tiếp theo.

- Lý do điều chỉnh: Căn cứ hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án do Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư xây dựng Công nghiệp Mỏ Luyện kim (thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ - Luyện kim – Bộ Công thương) thực hiện tư vấn thiết kế; Báo cáo kết quả thẩm tra số 67/TTr-CT/NB-TLUC ngày 28/5/2025 do Công ty TNHH Tư vấn Trường Đại học Thủy Lợi thực hiện tư vấn thẩm tra; Văn bản số 930/SCT-QLCN ngày 02/6/2025 của Sở Công thương tỉnh Bắc Kạn về việc góp ý kiến hồ sơ đề nghị thẩm định BCKTKT công trình đầu tư cải tạo gia cố đập bãi chứa quặng đuôi số 1 xưởng tuyển Chợ Điền, xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn.

2.3. Dự án đầu tư mở rộng bãi chứa quặng đuôi xưởng tuyển Lang Hit (Bãi thải Sa Lung) - Xí nghiệp Kẽm Chì Làng Hích:

- Theo kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua: Giá trị kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2025 là 2.500 triệu đồng.

- Nội dung điều chỉnh: Giá trị kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2025 là 1.500 triệu đồng. Giảm 1.000 triệu đồng.

- Lý do điều chỉnh: Căn cứ tiến độ thực hiện các thủ tục về đăng ký kế hoạch sử dụng đất, cấp chứng nhận đầu tư dự án và các thủ tục pháp lý về môi trường theo quy định.

2.4. Đầu tư xây dựng kho vật liệu nổ công nghiệp khu Phia Khao:

- Theo kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua:

+ Tổng mức đầu tư (được duyệt/dự kiến) của dự án: 1.200 triệu đồng.

+ Giá trị kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2025 là 1.200 triệu đồng.

- Nội dung điều chỉnh:
- + Tổng mức đầu tư (được duyệt/dự kiến) của dự án: 1.426 triệu đồng.
- + Giá trị kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2025 là 1.426 triệu đồng. Tăng 226 triệu đồng.
- Lý do điều chỉnh: Căn cứ hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật đã lập và trình cơ quan quản lý nhà nước.

(Có biểu chi tiết kế hoạch điều chỉnh kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2025 xem xét thông qua.

Trân trọng! 

Nơi nhận:

- Như kính gửi (vb);
- HĐQT Cty (scan);
- Lưu VP; P.ĐTXD; Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lý Xuân Tuyên



BIỂU CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2025

Đơn vị: Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

(Kèm theo Tờ trình số 274/Tr-TMC ngày 06 / 8 /2025)

ĐVT: Triệu đồng. Sau thuế.

TT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành (được duyệt/dự kiến)	Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành, cấp Quyết định	Tổng mức đầu tư (được duyệt/dự kiến)	Đơn vị	Khối lượng	KẾ HOẠCH NĂM 2025				NGUỒN VỐN	
							Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư			Vốn vay TM	Vốn chủ sở hữu
								Xây dựng	Thiết bị	Chi phí khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG (A+B):						64.343	22.069	37.688	4.586	30.887	33.456
A	THỰC HIỆN ĐẦU TƯ (A = A1 + A2)						63.643	22.069	37.688	3.886	30.887	32.756
A1	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP						22.611	6.632	15.079	900	14.273	8.338
I	Dự án nhóm A											
II	Dự án nhóm B											
III	Dự án nhóm C						22.611	6.632	15.079	900	14.273	8.338
I	Dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất mỏ chì kẽm Lang Hút, xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	2021-2025	QĐ số 2388/QĐ-TMC ngày 16/08/2019 của HĐQT Công ty	23.954	DA	1	9.287	1.387	7.000	900	6.151	3.136
-	Thiết bị Tời vận thăng chở người				HT	1	8.787	1.387	7.000	400	6 151	2 636
-	Chi phí tư vấn và khác						500			500		500
2	Đầu tư xây dựng nhà ở tập thể tại Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn	2024-2025	Số 501/QĐ-TMC ngày 28/02/2024 của HĐQT Công ty	10.899	DA	1	4.656	4.090	566	-	2.863	1.793
-	Gói thầu số 1: Thi công xây dựng Nhà ở tập thể và Bể nước, nhà để bơm phòng cháy						4.090	4.090			2 863	1 227
-	Gói thầu số 2: Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống thiết bị PCCC						566		566			566
3	Đầu tư tuyển bạc trong bùn thủy luyện kẽm tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên	Năm 2025	Số 379/QĐ-TMC ngày 11/02/2025 của HĐQT Công ty	9.417	DA	1	8.668	1.155	7.513	-	5.259	3.409
-	Xây dựng nền móng, hồ bơm, hồ vôi, bể chứa nước công nghệ						1.155	1.155				1 155
-	Cung cấp, lắp đặt hệ thống thiết bị công nghệ và các thiết bị phi tiêu chuẩn						7.513		7.513		5 259	2 254
A2	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI						41.032	15.437	22.609	2.986	16.614	24.418
I	Dự án nhóm A											
II	Dự án nhóm B											
III	Dự án nhóm C						41.032	15.437	22.609	2.986	16.614	24.418
I	Đầu tư xây dựng bãi chứa quặng đuôi tại xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (giai đoạn 2)	Năm 2025	Số 3991/QĐ-TMC ngày 02/11/2021 của HĐQT Công ty	8.061	DA	1	1.117	987	-	130	-	1.117
-	Gói thầu số 3: Xây dựng công trình bãi chứa quặng đuôi giai đoạn 2						987	987				987
-	Gói thầu số 4: Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình giai đoạn 2						30			30		30

TT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành (được duyệt/dự kiến)	Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành, cấp Quyết định	Tổng mức đầu tư (được duyệt/dự kiến)	Đơn vị	Khối lượng	KẾ HOẠCH NĂM 2025				NGUỒN VỐN	
							Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư			Vốn vay TM	Vốn chủ sở hữu
								Xây dựng	Thiết bị	Chi phí khác		
-	Tư vấn cấp GPMT						100			100		100
2	Dự án đầu tư cải tạo gia cố đập bãi chứa quặng đuôi số 1 xưởng tuyển Chợ Điền	Năm 2025-2026		19.551	DA	1	5.650	5.000	-	650	-	5.650
-	Thi công xây dựng						5.000	5.000				5 000
-	Chi phí tư vấn và khác						650			650		650
3	Đầu tư bổ sung bãi chứa đuôi thải khu vực kho mộc - Xưởng tuyển kẽm chì XI nghiệp Kẽm Chì Làng Hích	Năm 2025		3.588	DA	1	3.230	3.000	-	230	-	3.230
-	Thi công xây dựng bãi thải						3.000	3.000				3 000
-	Chi phí tư vấn và khác						230			230		230
4	Đầu tư mở rộng bãi chứa quặng đuôi xưởng tuyển Lang Hit (Bãi thải Sa Lung) - XI nghiệp Kẽm Chì Làng Hích	Năm 2025-2026		14.500	DA	1	1.500	-	-	1.500	-	1.500
-	Hỗ trợ đền bù GPMB						1.000			1.000		1 000
-	Chi phí tư vấn và khác						500			500		500
5	Dự án cải tạo hệ thống PCCC Nhà tập thể 5 tầng và Nhà sinh hoạt công nhân Công ty	Năm 2025		1.700	DA	1	1.700	700	800	200	-	1.700
-	Cải tạo hệ thống PCCC						1.500	700	800			1 500
-	Chi phí tư vấn và khác						200			200		200
6	Đầu tư duy trì sản xuất tại XI nghiệp Kẽm Chì Làng Hích năm 2025	Năm 2025	Số 308/QĐ-TMC ngày 05/02/2025 của HĐQT Công ty	7.744	DA	1	7.040	100	6.940	-	4.561	2.480
-	Hệ thống bơm thoát nước mỏ (Bơm chìm LH430W-51 công suất: 30kw/380V; Qmax = 1,22m³/min; Hmax = 122m; hệ thống đường ống, cung cấp điện)				HT	1	550	100	450		385	165
-	Quạt hướng trục 11kw				Cái	3	285		285			285
-	Quạt hút 48000 m³/h				Cái	2	240		240			240
-	Tàu điện ắc quy 2,5 tấn				Bộ	2	1.500		1 500		1 050	450
-	Máy khoan thủy lực trong lò và hệ thống khí nén				Bộ	3	3.750		3 750		2 625	1 125
-	Máy cào vơ				Cái	1	715		715		501	215
7	Đầu tư duy trì sản xuất tại Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn năm 2025	Năm 2025	Số 310/QĐ-TMC ngày 05/02/2025 của HĐQT Công ty	6.715	DA	1	6.715	-	6.715	-	4.701	2.015
-	Tàu điện ắc quy 2,5 tấn				HT	1	750		750		525	225
-	Xe loan chở người				HT	2	1.500		1 500		1 050	450
-	Máy khoan thủy lực trong lò và hệ thống khí nén				Bộ	3	3.750		3 750		2 625	1 125
-	Máy cào vơ				Cái	1	715		715		501	215

TT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành (được duyệt/dự kiến)	Số Quyết định; ngày tháng năm ban hành, cấp Quyết định	Tổng mức đầu tư (được duyệt/dự kiến)	Đơn vị	Khối lượng	KẾ HOẠCH NĂM 2025				NGUỒN VỐN	
							Tổng số	Cơ cấu vốn đầu tư			Vốn vay TM	Vốn chủ sở hữu
								Xây dựng	Thiết bị	Chi phí khác		
8	Đầu tư duy trì hoạt động Cơ quan Công ty, phân xưởng trực thuộc	Năm 2025	Số 309/QĐ-TMC ngày 05/02/2025 của HĐQT Công ty	3.704	DA	1	3.704	50	3.654	-	2.453	1.251
-	Bơm chìm LH430W-51 (Công suất: 30kw/380V; Qmax = 1,22m ³ /min; Hmax = 122m)				Cái	1	500	50	450		350	150
-	Bơm nước (Q=50m ³ /h, H=250m)				Cái	1	454		454		318	136
-	Thiết bị văn phòng				HT	1	200		200			200
-	Trang thiết bị cấp cứu mô				HT	1	1.550		1 550		1 085	465
-	Xe quét hút bụi				Cái	1	350		350		245	105
-	Quạt roots				Cái	1	650		650		455	195
9	Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên năm 2025 (Lò thiêu lớp sôi)	Năm 2025-2026		14.950	DA	1	7.000	2.500	4.500	-	4.900	2.100
-	Lò thiêu lớp sôi				HT	1	7.000	2 500	4 500		4 900	2 100
10	Đầu tư xây dựng kho vật liệu nổ công nghiệp khu Phía Khao	Năm 2025		1.426	DA	1	1.426	1 150		276		1 426
11	Đường công vụ lên bãi thải số 3 xưởng tuyển Chợ Điện	Năm 2025	Số 762/QĐ-TMC ngày 25/3/2025 của GDCT	1.000	CT	1	1.000	1 000				1 000
12	Xây dựng hệ thống rãnh thu nước mặt tại mặt bằng Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn	Năm 2025	Số 1834/QĐ-TMC ngày 10/6/2025 của GDCT	950	CT	1	950	950				950
B	KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ DỰ ÁN						700	-	-	700	-	700
I	Dự án nhóm A											
II	Dự án nhóm B											
III	Dự án nhóm C						700			700		700
1	Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên năm 2025 (Lò thiêu lớp sôi)			14.950	DA	1	400			400		400
2	Đầu tư hệ thống lò hơi nhiệt thừa tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên			12.000	DA	1	300			300		300

Số: 2743 /TTr-TMC

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 8 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua chủ trương điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
Dự án Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên**

Kính trình: ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

Căn cứ Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14.

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư.

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico sửa đổi, bổ sung lần 4 ban hành theo Quyết định số 3133/QĐ-TMC ngày 20/9/2022 của HĐQT Công ty.

Căn cứ Quyết định số 3421/QĐ-HĐQT ngày 29/12/2017 của HĐQT Công ty về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng của Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 07/CNĐT-KCN-TNg của Ban quản lý các KCN tỉnh Thái Nguyên cấp chứng nhận lần đầu 11/9/2001, chứng nhận điều chỉnh lần 1 ngày 09/2/2010 và chứng nhận điều chỉnh lần 2 ngày

31/3/2023 của Dự án Nhà máy kẽm điện phân tại KCN Sông Công 1 - Thái Nguyên (mã số dự án 8478814862).

Căn cứ Quyết định số 2805/QĐ-BTNMT ngày 28/9/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy Kẽm điện phân tại Khu công nghiệp Sông Công 1 – Thái Nguyên; Giấy phép môi trường số 563/GPMT-BTNMT ngày 27/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Giấy phép môi trường số 183/GPMT-BTNMT ngày 10/5/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép cho Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico.

Căn cứ các văn bản pháp lý và các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua chủ trương điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Nhà máy kẽm điện phân tại KCN Sông Công 1 - Thái Nguyên, với nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh 1: Quy mô dự án

*** Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:**

“3. Quy mô dự án:

- Sản phẩm chính:

+ Kẽm thỏi kim loại $\geq 99,95\%$ Zn: 12.500 tấn/năm;

+ Axit sulfuric $\geq 96\%$ H_2SO_4 : 19.600 tấn/năm.

- Sản phẩm phụ: Bột ô xít kẽm 77%Zn: 300 tấn/năm; Bột ô xít chì $\leq 14\%$ Pb: 1.220 tấn/năm; Bột ô xít đồng $\geq 14\%$ Cu: 72,5 tấn/năm; Bột ô xít Cadimi $\geq 45\%$ Cd: 51,5 tấn/năm; Kẽm sulfat $> 70\%$: 250 tấn/năm; Xi lò: 20.000 tấn/năm.”

*** Nay đăng ký như sau:**

“3. Quy mô dự án:

- Sản phẩm chính:

+ Kẽm thỏi kim loại $\geq 99,95\%$ Zn: 12.500 tấn/năm;

+ Axit sulfuric $\geq 96\%$ H_2SO_4 : 19.600 tấn/năm.

- Sản phẩm phụ: Bột ô xít kẽm 77%Zn: 300 tấn/năm; Bột ô xít chì $\leq 14\%$ Pb: 1.220 tấn/năm; Bột ô xít đồng $\geq 14\%$ Cu: 72,5 tấn/năm; Bột ô xít Cadimi $\geq 45\%$ Cd: 51,5 tấn/năm; Kẽm sulfat $> 70\%$: 250 tấn/năm; Xi lò: 20.000 tấn/năm; Tinh quặng bạc (hàm lượng Ag ≥ 3.000 gam/tấn): 1.500 tấn/năm.”

*** Lý do điều chỉnh:**

Bổ sung sản phẩm Tinh quặng bạc thu hồi được trong quá trình tuyển rửa bùn thủy luyện kẽm sau công đoạn hoà tách tinh quặng kẽm sunfua thiêu để giảm nồng độ axit trước khi đưa sang công đoạn lò quay xử lý bùn thủy luyện kẽm, đảm bảo yêu cầu công nghệ xử lý của lò quay và vận hành đồng bộ công nghệ sản xuất của Nhà máy chuyển đổi từ thủy luyện toàn phần sang bán thủy luyện theo dự án điều chỉnh đã được Ban quản lý các KCN Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh số 8478814862 ngày 31/3/2023.

2. Nội dung điều chỉnh 2: Tiến độ thực hiện dự án

** Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:*

“b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có)

- Giai đoạn I: Dự án đã đi vào hoạt động sản xuất năm 2006.

- Giai đoạn II:

+ Tiến độ thực hiện phần đầu tư cải tạo nâng cao chất lượng Nhà máy kềm điện phân Thái Nguyên, công suất 12.500 tấn/năm: Đã hoàn thành năm 2015.

+ Tiến độ thực hiện phần đầu tư cải tạo môi trường Nhà máy kềm điện phân Thái Nguyên: 24 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần 2. ”

** Nay đăng ký sửa thành:*

“b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành:

- Giai đoạn I: Dự án đã đi vào hoạt động sản xuất năm 2006.

- Giai đoạn II:

+ Đầu tư cải tạo nâng cao chất lượng Nhà máy kềm điện phân Thái Nguyên, công suất 12.500 tấn/năm: Đã hoàn thành năm 2015.

+ Đầu tư cải tạo môi trường Nhà máy kềm điện phân Thái Nguyên: 24 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần 2.

+ Thu hồi sản phẩm tinh quặng bạc: Từ tháng 6/2025.”

** Lý do điều chỉnh:* Bổ sung tiến độ thực hiện mục tiêu thu hồi sản phẩm tinh quặng bạc trong bùn thuỷ luyện tại Nhà máy kềm điện phân Thái Nguyên.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 thông qua chủ trương điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Nhà máy kềm điện phân Thái Nguyên là cơ sở để Công ty trình cơ quan quản lý Nhà nước điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thực hiện các bước tiếp theo tuân thủ các quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS (Scan);
- Thư ký Công ty (CV);
- Lưu: VP; P.ĐTXD.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lý Xuân Tuyên

Số: 2744/TTr-TMC

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 8 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ quặng chì kẽm Chợ
Điền trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số 09/GP-BTNMT
ngày 17/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (điều chỉnh)**

Kính trình: ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 2/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BTNMT ngày 13/2/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thăm dò và phân cấp trữ lượng, cấp tài nguyên khoáng sản chì, kẽm về mạng lưới định hướng các công trình thăm dò;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 09/GP-BTNMT ngày 17/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐQT ngày 01/4/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ quặng chì kẽm Chợ Điền trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số 09/GP-BTNMT ngày 17/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico;

Căn cứ Văn bản số 1379/BTNMT-KSVN ngày 08/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi Giấy phép khai thác mỏ chì kẽm Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn; Văn bản số 395/KSVN-TĐHS ngày 24/02/2025 của Cục khoáng sản Việt Nam về việc thông báo ý kiến chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đề nghị bổ sung, điều chỉnh khối lượng Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ kẽm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ hồ sơ Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ quặng chì kẽm Chợ Điền trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số 09/GP-BTNMT ngày

17/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico;

Căn cứ các văn bản pháp lý khác có liên quan;

HĐQT Công ty, kính trình ĐHCĐ Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico xem xét thông qua Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ quặng kẽm chì Chợ Điền trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số 09/GP-BTNMT ngày 17/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đề án: Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ quặng kẽm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số 09/GP-BTNMT ngày 17/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

2. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico.

3. Đơn vị tư vấn lập đề án: Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV – Xí nghiệp Địa chất 109 và Trung tâm Nghiên cứu Địa kỹ thuật (Trường Đại học Mỏ - Địa chất).

4. Mục tiêu thăm dò:

Nâng cấp các khối tài nguyên lên cấp trữ lượng cấp 122 là 1.125.309 tấn quặng, tương ứng 97.474 tấn Pb+Zn.

Bảng 1. Tổng hợp các khối tài nguyên nâng cấp

TT	TQ	Quặng	Số hiệu khối
1	TQ17	Oxyt hỗn hợp	NC1-122-TQ17
		Sulfur	NC2-122-TQ17
			NC3-122-TQ17
2	TQ3	Oxyt hỗn hợp	NC1-122-TQ3
3	TQ8	Oxyt hỗn hợp	NC1-122-TQ8
		Sulfur	NC2-122-TQ8
4	TQ12	Sulfur	NC1-122-TQ12
			NC2-122-TQ12
5	TQ15	Sulfur	NC1-122-TQ15
6	MQ7	Sulfur	NC2-122-MQ7
7	MQ10	Sulfur	NC1-122-MQ10
8	MQ12	Sulfur	NC3-122-MQ12
			NC2-122-MQ12
			NC1-122-MQ12
9	TQ3	Oxyt hỗn hợp	NC2-122-TQ3
10	TQ8	Oxyt hỗn hợp	NC3-122-TQ8
		Sulfur	NC4-122-TQ8
11	TQ15	Sulfur	NC2-122-TQ15
12	TQ12	Sulfur	NC3-122-TQ12
		Sulfur	NC4-122-TQ12
		Sulfur	NC5-122-TQ12

TT	TQ	Quặng	Số hiệu khối
		Sulfur	NC6-122-TQ12
13	MQ.12	Sulfur	MQ12-556-333
14	MQ.10	Sulfur	MQ10-545-333
15	MQ.7	Sulfur	MQ7-528-333
16	MQ7	Sulfur	MQ7-525-333
17	MQ6	Sulfur	MQ6-518-333
18	MQ6	Sulfur	MQ6-512-333
19	MQ8	Sulfur	MQ8-534-333
20	TQ5	Oxyt hỗn hợp	TQ5-154-333
21	TQ1	Oxyt hỗn hợp	TQ5-150-333
22	TQ11	Sulfur	TQ11-166-333
23	TQ22	Oxyt hỗn hợp	TQ22-228-333
24	TQ18	Sulfur	TQ18-220-333
25	TQ17	Oxyt hỗn hợp	TQ17-182-222
26	TQ17	Oxyt hỗn hợp	TQ17-200-222
27	TQ22	Oxyt hỗn hợp	TQ22-228-222
28	TQ23	Oxyt hỗn hợp	TQ23-231-222

5. Khối lượng, phương pháp thăm dò

Khoan xoay lấy mẫu 8.990 mk/89 lỗ khoan, thi công hào 288 m³/8 hào, cấp nhật 3.000 mét lò cũ, lấy 02 mẫu công nghệ với trọng lượng 10.000 kg (01 mẫu quặng ôxít hỗn hợp/trọng lượng 5.000 kg; 01 mẫu quặng sulfur/trọng lượng 5.000 kg), công tác địa chất thủy văn – địa chất công trình, công tác lấy, gia công và phân tích mẫu, thực hiện các công trình tạm thời phục vụ thi công đề án.

Bảng 2. Tổng hợp khối lượng, phương pháp thăm dò

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Tổng khối lượng toàn đề án (theo Văn bản số 395/KSVN-TĐHS ngày 24/02/2025)
1	Thu thập mốc hạng III, hạng IV	Điểm	8,0
2	Thành lập lưới giải tích 1	Điểm	14,0
3	Lập lưới đường chuyền cấp 2	Điểm	59,0
4	Thành lập lưới độ cao lượng giác	Km	45,0
5	Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:2.000 h=2m (Ngoài trời)	Km ²	6,4408
6	Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:2.000 h=2m (Trong phòng)	Km ²	6,4408
7	Đưa công trình chủ yếu ra thực địa	Điểm	89,0
8	Đo công trình chủ yếu vào bản đồ	Điểm	89,0
9	Đo công trình thứ yếu ra thực địa	Điểm	120,0
10	Đo vẽ mặt cắt địa hình	Km	25,8
11	Bơm nước thí nghiệm lỗ khoan	CT	3,0
12	Lắp đặt- tháo dỡ thiết bị bơm ĐCTV	Lần	3,0
13	Tiến hành bơm nước thí nghiệm, bơm thổi rửa lỗ khoan	Ca	99,0
14	Đo phục hồi	Ca	60,0

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Tổng khối lượng toàn đề án (theo Văn bản số 395/KSVN-TĐHS ngày 24/02/2025)
15	Đổ nước thí nghiệm lỗ khoan	C.tr	7,0
16	Đổ nước thí nghiệm thủ công (LL<50)	Ca	77,0
17	Quan trắc động thái nước ngầm/10 trạm (5 lỗ khoan thi công giai đoạn 1 quan trắc 2 năm, 5 LK thi công giai đoạn 2 quan trắc 01 năm)	Trạm	10,0
18	Đo mực nước tĩnh (Quan trắc động thái nước ngầm/10 trạm)	Lần	2.400,0
19	Xử lý số liệu quan trắc viên (Quan trắc động thái nước ngầm/10 trạm)	Lần	2.400,0
20	Xử lý số liệu mạng quan trắc (Quan trắc động thái nước ngầm/10 trạm)	Lần	2.400,0
21	Quan trắc động thái nước mặt/5 trạm (4 trạm thi công giai đoạn 1 quan trắc 02 năm, 01 trạm thi công giai đoạn 2 quan trắc 01 năm)	Trạm	5,0
22	Đo lưu lượng nước (Quan trắc động thái nước mặt/5 trạm)	Lần	1.200,0
23	Xử lý số liệu quan trắc viên (Quan trắc động thái nước mặt/5 trạm)	Lần	1.200,0
24	Xử lý số liệu mạng quan trắc (Quan trắc động thái nước mặt/5 trạm)	Lần	1.200,0
25	Lỗ khoan có chiều sâu 100	Mét	3.295,0
26	Lỗ khoan có chiều sâu 200	Mét	4.085,0
27	Lỗ khoan có chiều sâu 300	Mét	1.610,0
28	Đo vẽ khảo sát lò	Mét	3.000,0
29	Thi công công trình hào (cấp I-III)	m3	115,2
30	Thi công công trình hào (cấp IV)	m3	57,6
31	Thi công công trình hào (cấp V-VI)	m3	115,2
32	Lắp công trình hào	m3	288,0
33	Khoan thẳng đứng, đường kính LK (113-132)mm từ 0 - 100m	Mét	43,7
34	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ III)	Mét	18,7
35	Khoan hiệp dài (cấp đđ III)	Mét	2,0
36	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IV)	Mét	13,5
37	Khoan hiệp dài (cấp đđ IV)	Mét	3,0
38	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ V)	Mét	-
39	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VI)	Mét	1,5
40	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	Mét	5,0
41	Khoan thẳng đứng, đường kính LK (76-112)mm từ 0 - 100m	Mét	621,3
42	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VI)	Mét	254,4
43	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	Mét	305,3
44	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VII)	Mét	-
45	Khoan hiệp dài (cấp đđ VII)	Mét	-
46	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VIII)	Mét	-
47	Khoan hiệp dài (cấp đđ VIII)	Mét	-
48	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IX)	Mét	61,6
49	Khoan xiên 89° - 75°, đường kính LK (113-132)mm từ 0 - 100m	Mét	245,8

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Tổng khối lượng toàn đề án (theo Văn bản số 395/KSVN-TĐHS ngày 24/02/2025)
50	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ III)	Mét	10,0
51	Khoan hiệp dài (cấp đđ III)	Mét	58,0
52	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IV)	Mét	11,4
53	Khoan hiệp dài (cấp đđ IV)	Mét	20,5
54	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ V)		-
55	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VI)	Mét	0,9
56	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	Mét	145,0
57	Khoan xiên 89° - 75°, đường kính LK (76-112)mm từ 0 - 100m	Mét	1.384,2
58	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VI)	Mét	106,0
59	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	Mét	1.088,7
60	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VII)	Mét	-
61	Khoan hiệp dài (cấp đđ VII)	Mét	-
62	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VIII)	Mét	-
63	Khoan hiệp dài (cấp đđ VIII)	Mét	-
64	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IX)	Mét	187,9
65	Khoan hiệp dài (cấp đđ IX)	Mét	1,6
66	Khoan xiên 74° - 60°, đường kính LK (113-132)mm từ 0 - 100m	Mét	106,7
67	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ III)	Mét	51,7
68	Khoan hiệp dài (cấp đđ III)	Mét	10,0
69	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IV)	Mét	6,7
70	Khoan hiệp dài (cấp đđ IV)	Mét	5,0
71	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ V)	Mét	-
72	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VI)	Mét	8,3
73	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	Mét	25,0
74	Khoan xiên 74° - 60°, đường kính LK (76-112)mm từ 0 - 100m	Mét	893,3
75	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ III)	Mét	2,5
76	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IV)	Mét	2,8
77	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VI)	Mét	319,6
78	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	Mét	440,3
79	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VII)	Mét	-
80	Khoan hiệp dài (cấp đđ VII)	Mét	-
81	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VIII)	Mét	-
82	Khoan hiệp dài (cấp đđ VIII)	Mét	-
83	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IX)	Mét	121,2
84	Khoan hiệp dài (cấp đđ IX)	Mét	6,9
85	Khoan thẳng đứng, đường kính LK (113-132)mm từ 0 - 200m	Mét	128,7
86	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ III)	Mét	3,4
87	Khoan hiệp dài (cấp đđ III)	Mét	33,8
88	Khoan hiệp dài (cấp đđ IV)	Mét	7,0
89	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ V)	Mét	-
90	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	Mét	84,5

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Tổng khối lượng toàn đề án (theo Văn bản số 395/KSVN-TĐHS ngày 24/02/2025)
91	Khoan thẳng đứng, đường kính LK (76-112)mm từ 0 - 200m	Mét	1.476,3
92	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VI)	Mét	426,7
93	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	Mét	929,4
94	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VII)	Mét	-
95	Khoan hiệp dài (cấp đđ VII)	Mét	-
96	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VIII)	Mét	-
97	Khoan hiệp dài (cấp đđ VIII)	Mét	-
98	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IX)	Mét	120,2
99	Khoan xiên 89° - 75°, đường kính LK (113-132)mm từ 0 - 200m	Mét	217,8
100	Khoan hiệp dài (cấp đđ III)	Mét	56,8
101	Khoan hiệp dài (cấp đđ IV)	Mét	19,0
102	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	Mét	142,0
103	Khoan xiên 89° - 75°, đường kính LK (76-112)mm từ 0 - 200m	Mét	1.202,2
104	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	Mét	1.031,8
105	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IX)	Mét	170,4
106	Khoan xiên 74° - 60°, đường kính LK (113-132)mm từ 0 - 200m	Mét	123,4
107	Khoan hiệp dài (cấp đđ III)	Mét	32,4
108	Khoan hiệp dài (cấp đđ IV)	Mét	10,0
109	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	Mét	81,0
110	Khoan xiên 74° - 60°, đường kính LK (76-112)mm từ 0 - 200m	Mét	936,6
111	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VI)	Mét	110,6
112	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	Mét	702,0
113	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IX)	Mét	124,0
114	Khoan thẳng đứng, đường kính LK (113-132)mm từ 0 - 300m	Mét	163,8
115	Khoan hiệp dài (cấp đđ III)	Mét	44,8
116	Khoan hiệp dài (cấp đđ IV)	Mét	7,0
117	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	Mét	112,0
118	Khoan thẳng đứng, đường kính LK (76-112)mm từ 0 - 300m	Mét	956,2
119	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	Mét	821,8
120	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IX)	Mét	134,4
121	Khoan xiên 89° - 75°, đường kính LK (113-132)mm từ 0 - 300m	Mét	72,6
122	Khoan hiệp dài (cấp đđ III)	Mét	19,6
123	Khoan hiệp dài (cấp đđ IV)	Mét	4,0
124	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	Mét	49,0
125	Khoan xiên 89° - 75°, đường kính LK (76-112)mm từ 0 - 300m	Mét	417,4
126	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	Mét	358,6
127	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IX)	Mét	58,8
128	Tháo lấp LK tìm kiếm tấm dò 0 – 100m	Lần	55,0

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Tổng khối lượng toàn đề án (theo Văn bản số 395/KSVN-TĐHS ngày 24/02/2025)
129	Tháo lắp LK tìm kiếm tầm dò 0 – 300m	Lần	34,0
130	Lấy mẫu lõi khoan	m.mẫu	886,0
131	Lấy mẫu khoáng tương	Mẫu	90,0
132	Lấy mẫu thạch học	Mẫu	90,0
133	Lấy mẫu hóa nhóm	Mẫu	285,0
134	Lấy mẫu hoá nước	Mẫu	40,0
135	Lấy mẫu cơ lý đá, quặng	Mẫu	100,0
136	Lấy mẫu thể trọng nhỏ	Mẫu	90,0
137	Lấy mẫu công nghệ (Trọng lượng 5.000 kg/mẫu) khái toán.	Mẫu	2,0
138	Lấy mẫu rãnh công trình khô ráo đất đá cấp IX-X kích thước 0,1 x 0,05 m)	m.mẫu	100,0
139	Lập tài liệu lấy mẫu lõi khoan	Mẫu	970,0
140	Lập tài liệu lấy mẫu từ công trình khai đào	Mẫu	100,0
141	Gia công mẫu lõi khoan	Mẫu	970,0
142	Gia công mẫu lát mỏng	Mẫu	90,0
143	Gia công mẫu mài láng	Mẫu	90,0
144	Gia công mẫu rãnh công trình khô ráo đất đá cấp IX-X kích thước 0,1 x 0,05 m)	Mẫu	100,0
145	Phân tích mẫu hóa cơ bản Pb +Zn	Mẫu	970,0
146	Phân tích mẫu hoá nhóm 11 chỉ tiêu (Pb, Zn, Fe, Cu, As, Cd, S, Au, Ag, In, Te).	Mẫu	120,0
147	Phân tích mẫu kiểm soát chất lượng (Phân tích mẫu đúp, Phân tích mẫu chuẩn, Phân tích mẫu trắng)	Mẫu	129,0
148	Phân tích mẫu cơ lý đá toàn diện	Mẫu	100,0
149	Phân tích mẫu lát mỏng thạch học	Mẫu	90,0
150	Phân tích mẫu khoáng tương	Mẫu	90,0
151	Phân tích hoá nước toàn diện	Mẫu	40,0
152	Phân tích mẫu thể trọng nhỏ	Mẫu	90,0
153	Phân tích mẫu hóa nhóm bằng phương pháp hấp thụ nguyên tử cho 4 chỉ tiêu (Ag, S, Cd, In)	Mẫu	160,0
154	Phân tích Mẫu công nghệ (Trọng lượng 5.000 kg/mẫu) khái toán		2,0
155	Phân tích mẫu rãnh công trình khô ráo đất đá cấp IX-X kích thước 0,1 x 0,05 m)	Mẫu	100,0
156	Lập phương án thi công	BC	2,0
157	Thu thập tài liệu, lập báo cáo tổng kết	BC	1,0
158	Số hóa các bản đồ chuyên ngành địa chất (lập báo cáo tổng kết)	Mảnh	105,0
159	In xuất bản báo cáo (08 bộ)	Bộ	8,0
160	Kiểm tra, thu nhận báo cáo	BC	1,0
161	Làm nhà bảo quản mẫu	C.tr	1,0
162	Làm nền khoan (sâu 0-100m)	Nền	47,0
163	Làm nền khoan (sâu 0-300m)	Nền	33,0
164	Làm đường khoan	Km	8,6
165	Sửa đường khoan	Km	6,3
166	Công tác đền bù hoa màu	Vị trí	54,0

6. Địa điểm thực hiện: Mỏ chì kẽm Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã Yên Thịnh, tỉnh Thái Nguyên), trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số 09/GP-BTNMT ngày 17/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường cấp cho Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

7. Giá trị đề án

Giá trị thực hiện đề án thăm dò nâng cấp là: **52.429.677.248 đồng** (Bằng chữ; Năm mươi hai tỷ, bốn trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng). Đã bao gồm thuế VAT 8%.

8. Thời gian, tiến độ thăm dò

Thời gian dự kiến thực hiện là 48 tháng.

9. Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu + Vốn vay thương mại.

Trên cơ sở đề án đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông qua. Kính trình ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico xem xét chấp thuận đề án./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BGĐ Công ty (scan);
- Thư ký Công ty (CV);
- Lưu VP; KTM.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lý Xuân Tuyên

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU
THÁI NGUYÊN-VIMICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2746/TTr-TMC

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 8 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng quặng thiếc gốc tiểu khu phía Nam, khu Tây Núi Pháo, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên trong ranh giới Giấy phép khai thác khoáng sản số 1689/GP-BTNMT ngày 12/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (điều chỉnh)

Kính trình: ĐHCĐ Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 2/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BTNMT ngày 13/2/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thăm dò và phân cấp trữ lượng, cấp tài nguyên khoáng sản chi, kèm về mạng lưới định hướng các công trình thăm dò;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 1689/GP-BTNMT ngày 12/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico;

Căn cứ hồ sơ Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng quặng thiếc gốc tiểu khu phía Nam, khu Tây-Núi Pháo, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên trong ranh giới Giấy phép khai thác khoáng sản số 1689/GP-BTNMT ngày 12/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Văn bản số 10466/BTNMT-KSVN ngày 12/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi Giấy phép khai thác mỏ thiếc gốc tiểu khu Phía Nam, khu Tây Núi Pháo;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-TMC ngày 03/01/2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng quặng thiếc gốc tiểu khu phía Nam, khu Tây Núi Pháo, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên trong ranh giới Giấy phép khai thác khoáng sản số 1689/GP-BTNMT ngày 12/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ các văn bản pháp lý khác có liên quan;



HĐQT Công ty, kính trình ĐHCĐ Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico xem xét thông qua Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ thiếc gốc tiểu khu Phía Nam, khu Tây Núi Pháo, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số 1689/GP-BTNMT ngày 12/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đề án: Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ thiếc gốc tiểu khu Phía Nam, khu Tây Núi Pháo, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số 1689/GP-BTNMT ngày 12/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico.

3. Đơn vị tư vấn lập đề án: Công ty cổ phần Địa chất Mỏ - TKV.

4. Mục đích thăm dò:

Nâng cấp các khối tài nguyên lên cấp trữ lượng là 405.242 tấn quặng, tương ứng 5.590 tấn Sn+Pb+Bi.

STT	Số hiệu thân quặng	Số hiệu khối	Ghi chú
1	TQ.5a	14-122-TQ5a	
2	TQ.5b	16-122-TQ5b	
3	TQ.5	10-122-TQ.5	
4		11-122-TQ.5	
5		12-122-TQ.5	
6	TQ.7	20-122-TQ.7	
7	TQ.8b	25-122-TQ.8b	
8	TQ.9	26-122-TQ.9	
9		26a-122-TQ.9	
10	TQ.11	32-122-TQ.11	
11	TQ.12	34-122-TQ.12	
12	TQ.13	35-122-TQ.13	
13	TQ.14	37-122-TQ.14	
1	TQ.5	12-122-TQ.5	
2	TQ.7	20-122-TQ.7	
3	TQ.9	26a-122-TQ.9	
4	TQ.10	28-122-TQ.10	
5	TQ.14	37-122-TQ.14	

5. Khối lượng, phương pháp thăm dò

- Công tác thi công khoan máy: Khối lượng mét khoan 5.093 m/72 lỗ khoan.
- Công tác khác như: Công tác trắc địa; công tác ĐCTV-ĐCCT; công tác địa chất; công tác đo địa vật lý lỗ khoan; công tác lấy, gia công và phân tích mẫu; công tác tin học.
- Tổng hợp khối lượng dự kiến thi công toàn đề án:

TT	Danh mục công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
A	Thi công đề án		
I	Công tác trắc địa		
1	Thu thập tài liệu mốc tọa độ, độ cao	Điểm	5
2	Lập đường chuyên cấp 1	Điểm	4
3	Lập lưới đường chuyên cấp 2	Điểm	10
4	Thành lập lưới độ cao kỹ thuật	Km	20
5	Hiện chỉnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:1.000 h=1m	Km ²	1,309
6	Đưa công trình chủ yếu ra thực địa	Điểm	72
7	Đưa công trình chủ yếu vào bản đồ	Điểm	72
8	Đo công trình thứ yếu vào bản đồ	Điểm	100
9	Đo vẽ mặt cắt địa hình	Km	8,2
10	Đo đường sườn thị cự	Km	5,0
II	Công tác ĐCTV-ĐCCT		
1	Quan trắc đơn giản	m	1.701
2	Bơm nước thí nghiệm	C.T	6
-	Lắp đặt - tháo dỡ thiết bị bơm	Lần	6
-	Bơm thổi rửa và bơm nước thí nghiệm lỗ khoan	Ca	216
-	Đo hồi phục	Ca	108
3	Quan trắc động thái nước mặt/3 trạm (thời gian 1 năm)	Trạm	6
-	Đo mực nước tĩnh	Lần	720
-	Sử lý số liệu quan trắc viên	Lần	720
-	Sử lý số liệu mạng quan trắc	Lần	720
4	Quan trắc động thái nước ngầm/6 trạm (thời gian 1 năm)	Trạm	6
-	Đo lưu lượng nước	Lần	1.440
-	Sử lý số liệu quan trắc viên	Lần	1.440
-	Sử lý số liệu mạng quan trắc	Lần	1.440
5	Thu thập tài liệu khí tượng thủy văn	năm	5
II	Công tác địa chất		
1	Đo vẽ khảo sát lò	m	1.000
3	Hiện chỉnh bản đồ địa chất 1/1000 trong phòng	Km ²	1,309
III	Đo địa vật lý lỗ khoan (Đo độ lệch lỗ khoan)	m	5.093
1	Lỗ khoan có chiều sâu 100	m	3.401
2	Lỗ khoan có chiều sâu 200	m	1.692
IV	Thi công công trình giếng		109,2
1	Giếng đứng tiết diện 1,2x1,4m sâu tổng 65m(cấp đất đá X)	m ³	109,2
V	Thi công công trình Khoan	m	5.093
VI	Lấy mẫu		
1	Mẫu lõi khoan	m.mẫu	361,0
2	Mẫu khoáng tương	Mẫu	20
3	Mẫu thạch học	Mẫu	30
4	Mẫu hóa nhóm	Mẫu	-
5	Mẫu hoá nước	Mẫu	20

TT	Danh mục công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
6	Mẫu cơ lý đá, quặng	Mẫu	20
7	Mẫu thể trọng nhỏ	Mẫu	20
8	Mẫu gĩa đãi	Mẫu	20
9	Lấy mẫu rãnh trọng lượng 10-14kg kích thước(1x0,1x0,05)m	Mẫu	47
VII	Gia công mẫu		
1	Mẫu lõi khoan+ mẫu rãnh	Mẫu	568
2	Mẫu khoáng tương	Mẫu	20
3	Mẫu thạch học	Mẫu	30
4	Mẫu gĩa đãi	Mẫu	20
VIII	Phân tích mẫu		
1	Mẫu hóa lõi khoan, mẫu rãnh (Sn, Cu, Bi)	Mẫu	568
2	Hoá nhóm 8 chỉ tiêu (Pb, Sn, Bi, Fe, Cu, As, S, WO ₃)	Mẫu	60
3	Mẫu ICP 15 chỉ tiêu (Sn, Cu, Bi, Pb, Fe, As, S, WO ₃ , Zn, Cd, Au, Ag, In, Te, Mo)	Mẫu	60
4	Mẫu kiểm soát chất lượng (mẫu đúp, mẫu chuẩn, mẫu trắng)	Mẫu	100
5	Khoáng tương	Mẫu	20
6	Mẫu thạch học	Mẫu	30
7	Hoá nước toàn diện	Mẫu	20
8	Mẫu cơ lý đá	Mẫu	20
9	Mẫu thể trọng nhỏ	Mẫu	30
10	Mẫu trọng sa nhân tạo	Mẫu	20
IX	Công tác tin học		
1	Công tác lập PA, BC tổng kết, Số hóa, in xuất bản, kiểm tra thu nhận báo cáo		
a	Lập phương án	Báo cáo	-
-	Lập phương án	Báo cáo	1
-	Lập phương thi công	Báo cáo	1
-	Lập báo cáo thông tin	Báo cáo	1
b	Lập báo cáo tổng kết	Báo cáo	1
-	Số hóa các bản đồ chuyên ngành địa chất	Mảnh	60
-	In xuất bản báo cáo (06 bộ)	Bộ	6
-	Kiểm tra, thu nhận báo cáo	Báo cáo	1
2	Các công trình tạm thời		
2.1	Làm đường khoan		
-	Làm đường mới	Km	2,50
-	Sửa đường	Km	2,50
2.2	Làm nền khoan	Nền	70
-	Làm nền khoan (sâu từ 0-100m)	Nền	58
-	Làm nền khoan (sâu từ 0-300m)	Nền	12

6. Địa điểm thực hiện: Mỏ thiếc tiêu khu Phía Nam, khu Tây Núi Pháo huyện Đại Từ (nay là An Khánh, xã Đại Phúc), tỉnh Thái Nguyên, trong phạm vi

ranh giới theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1689/GP-BTNMT ngày 12/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

7. Giá trị dự toán chi phí thực hiện đề án

Giá trị dự toán chi phí thực hiện đề án thăm dò là: **28.610.220.447 đồng**.
Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ, sáu trăm mười triệu, hai trăm hai mươi nghìn, bốn trăm bốn mươi bảy đồng. Đã bao gồm thuế VAT. Có thuyết minh đề án và dự toán chi tiết kèm theo.

8. Thời gian, tiến độ thăm dò

Thời gian dự kiến triển khai đề án là 26 tháng.

9. Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu + Vốn vay thương mại.

Trên cơ sở đề án đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông qua. Kính trình ĐHQĐ Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico xem xét chấp thuận đề án./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BGĐ Công ty (scan);
- Thư ký Công ty (CV);
- Lưu VP; KTM.

Chữ ký

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lý Xuân Tuyên

Chữ ký

Số: 2745/TTr-TMC

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 8 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ kẽm chì Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên trong ranh giới Giấy phép khai thác khoáng sản số 2305/GP-BTNMT ngày 15/11/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Kính trình: ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 2/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BTNMT ngày 13/2/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thăm dò và phân cấp trữ lượng, cấp tài nguyên khoáng sản chì, kẽm về mạng lưới định hướng các công trình thăm dò;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 2305/GP-BTNMT ngày 15/11/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico;

Căn cứ hồ sơ Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ kẽm chì Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên trong ranh giới Giấy phép khai thác khoáng sản số 2305/GP-BTNMT ngày 15/11/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Văn bản số 3333/KSVN-TĐHS ngày 20/12/2024 của Cục Khoáng sản Việt Nam về việc chấp thuận đề Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico thăm dò nâng cấp trữ lượng quặng kẽm chì, mỏ kẽm chì Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ các văn bản pháp lý khác có liên quan;

HDQT Công ty, kính trình ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico xem xét thông qua Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ kẽm chì Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên trong ranh giới Giấy phép khai thác khoáng sản số 2305/GP-BTNMT ngày 15/11/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đề án: Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ kẽm chì Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên trong ranh giới Giấy phép khai thác khoáng sản số 2305/GP-BTNMT ngày 15/11/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico.

3. Đơn vị tư vấn lập đề án: Công ty cổ phần Địa chất Mỏ - TKV.

4. Mục đích thăm dò:

Nâng cấp các khối tài nguyên lên cấp trữ lượng 122 là 459.070 tấn quặng, tương ứng 19.846 tấn Zn+Pb.

Tiểu khu	Thân quặng	TT	Cấp và khối	trữ lượng
Xóm Cúc	TQ I	1	122	NC I.1 - 122
		2	333	NC I.1 - 333
	TQ II	3	122	NC II.1 - 122
		4	122	NC II.2 - 122
		5	333	NC II.1 - 333
		6	333	NC II.2 - 333
	TQ III	7	122	NC III.1 - 122
		8		NC III.2 - 122
		9		NC III.3 - 122
		10	333	NC III.1 - 333
		11		NC III.2 - 333
	TQ III A	12	122	NC IIIA.1 - 122
		13	122	NC IIIA.2 - 122
		14	333	NC IIIA.1 - 333
		15	333	NC IIIA.2 - 333
	TQ IV	16	122	NC IV.1 - 122
		17		NC IV.2 - 122
		18	333	NC IV.1 - 333
		19		NC IV.2 - 333
	TQ V	20	122	NC V.1 - 122
		21	333	NC V.1 - 333
Lân Chì	TQ VIII	22	122	NC VIII.1-122
		23	333	NC VIII.1-333
	TQ VIIIA	24	122	NC VIIIA.1 - 122
		25	333	NC VIIIA.1 - 333

5. Khối lượng, phương pháp thăm dò

- Công tác thi công khoan máy: Khối lượng mét khoan 3.000 m/31 lỗ khoan.
- Công tác khác như: Công tác trắc địa; công tác ĐCTV-ĐCCT; công tác địa chất; công tác đo địa vật lý lỗ khoan; công tác lấy, gia công và phân tích mẫu; công tác tin học.

- Tổng hợp khối lượng dự kiến thi công toàn đề án:

TT	Danh mục công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
A	Thi công đề án		
I	Công tác trắc địa		
1	Thành lập lưới giải tích 1	Điểm	4
2	Lập lưới đường chuyền cấp 2	Điểm	10
3	Thành lập lưới đường sườn kinh vĩ gián tiếp	Km	2,09
4	Hiện chỉnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:1.000 h=1 m	Km ²	0,49
5	Đưa công trình chủ yếu ra thực địa	Điểm	31
6	Đưa công trình chủ yếu vào bản đồ	Điểm	31
7	Đo công trình thứ yếu vào bản đồ	Điểm	59
8	Đo vẽ mặt cắt địa hình	Km	2,68
II	Công tác ĐCTV-ĐCCT		
1	Quan trắc đơn giản	m	3.000
2	Bơm nước thí nghiệm	C.T	6
-	Lắp đặt - tháo dỡ thiết bị bơm	Lần	6
-	Bơm thổi rửa và bơm nước thí nghiệm lỗ khoan	Ca	216
-	Đo hồi phục	Ca	144
3	Quan trắc động thái nước mặt/5 trạm (thời gian 1 năm)	Trạm	5
-	Đo mực nước tĩnh	Lần	900
-	Xử lý số liệu quan trắc viên	Lần	900
-	Xử lý số liệu mạng quan trắc	Lần	900
4	Quan trắc động thái nước ngầm/9 trạm (thời gian 1 năm)	Trạm	9
-	Đo lưu lượng nước	Lần	1.080
-	Xử lý số liệu quan trắc viên	Lần	1.080
-	Xử lý số liệu mạng quan trắc	Lần	1.080
5	Hiện chỉnh bản đồ ĐCTV -ĐCCT 1:1.000 (tính công tác trong phòng)	Km ²	0,49
6	Thu thập tài liệu khí tượng thủy văn	năm	5
III	Công tác địa chất		
1	Hiện chỉnh bản đồ địa chất 1:1.000 (đo vẽ trong phòng)	Km ²	0,49
2	Đo vẽ khảo sát lò	m	500
IV	Đo địa vật lý lỗ khoan (Đo độ lệch lỗ khoan)	m	3.000
	Lỗ khoan có chiều sâu 0 -100 m	m	1015
	Lỗ khoan có chiều sâu 0 - 200 m	m	1985
V	Thi công công trình Khoan	m	3.000
V.1	Khoan lấy mẫu, chiều sâu LK từ 0 - 100 m	m	1.015
1	Khoan xiên 60° - 74°	m	95
*	Khoan xiên 60° - 74°, đường kính LK (113-132) mm	m	5,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ III)	m	5,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ III)	m	
*	Khoan xiên 60° - 74°, đường kính LK (113-132) mm	m	3,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IV)	m	3,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ IV)	m	
*	Khoan xiên 60° - 74°, đường kính LK (113-132) mm	m	1,9
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VI)	m	1,9

TT	Danh mục công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	m	
*	Khoan xiên 60° - 74°, đường kính LK (76-112) mm	m	17,1
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VI)	m	3,8
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	m	13,3
*	Khoan xiên 60° - 74°, đường kính LK (76-112) mm	m	53,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VIII)	m	5,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ VIII)	m	48,0
*	Khoan xiên 60° - 74°, đường kính LK (76-112) mm	m	15,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IX)	m	15,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ IX)	m	
1	Khoan xiên 75° - 89°	m	920
*	Khoan xiên 75° - 89°, đường kính LK (113-132) mm	m	59,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ III)	m	59,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ III)	m	
*	Khoan xiên 75° - 89°, đường kính LK (113-132) mm	m	28,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IV)	m	28,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ IV)	m	
*	Khoan xiên 75° - 89°, đường kính LK (113-132) mm	m	18,4
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VI)	m	18,4
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	m	
*	Khoan xiên 75° - 89°, đường kính LK (76-112) mm	m	165,6
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VI)	m	36,8
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	m	128,8
*	Khoan xiên 75° - 89°, đường kính LK (76-112) mm	m	564,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VIII)	m	48,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ VIII)	m	516,0
*	Khoan xiên 75° - 89°, đường kính LK (76-112) mm	m	85,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IX)	m	85,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ IX)	m	
V.2	Khoan lấy mẫu, chiều sâu LK từ 0 - 200m	m	1985,0
1	Khoan xiên 0° - 59°	m	150,0
*	Khoan xiên 0° - 59°, đường kính LK (113-132) mm	m	5,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ III)	m	5,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ III)	m	
*	Khoan xiên 0° - 59°, đường kính LK (113-132) mm	m	5,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IV)	m	5,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ IV)	m	
*	Khoan xiên 0° - 59°, đường kính LK (113-132) mm	m	3,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VI)	m	3,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	m	
*	Khoan xiên 0° - 59°, đường kính LK (76-112) mm	m	27,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VI)	m	6,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	m	21,0
*	Khoan xiên 0° - 59°, đường kính LK (76-112) mm	m	102,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VIII)	m	8,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ VIII)	m	94,0

TT	Danh mục công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
*	Khoan xiên 0° - 59°, đường kính LK (76-112) mm	m	8,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IX)	m	8,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ IX)	m	
2	Khoan xiên 60° - 74°	m	370,0
*	Khoan xiên 60° - 74°, đường kính LK (113-132) mm	m	15,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ III)	m	15,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ III)	m	
*	Khoan xiên 60° - 74°, đường kính LK (113-132) mm	m	11,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IV)	m	11,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ IV)	m	
*	Khoan xiên 60° - 74°, đường kính LK (113-132) mm	m	7,4
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VI)	m	7,4
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	m	
*	Khoan xiên 60° - 74°, đường kính LK (76-112) mm	m	66,6
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VI)	m	14,8
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	m	51,8
*	Khoan xiên 60° - 74°, đường kính LK (76-112) mm	m	234,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VIII)	m	19,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ VIII)	m	215,0
*	Khoan xiên 60° - 74°, đường kính LK (76-112) mm	m	36,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IX)	m	36,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ IX)	m	
3	Khoan xiên 75° - 89°	m	1465,0
*	Khoan xiên 75° - 89°, đường kính LK (113-132) mm	m	60,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ III)	m	60,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ III)	m	
*	Khoan xiên 75° - 89°, đường kính LK (113-132) mm	m	44,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IV)	m	44,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ IV)	m	
*	Khoan xiên 75° - 89°, đường kính LK (113-132) mm	m	29,3
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VI)	m	29,3
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	m	
*	Khoan xiên 75° - 89°, đường kính LK (76-112) mm	m	263,7
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VI)	m	58,6
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ VI)	m	205,1
*	Khoan xiên 75° - 89°, đường kính LK (76-112) mm	m	967,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ VIII)	m	75,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ VIII)	m	892,0
*	Khoan xiên 75° - 89°, đường kính LK (76-112) mm	m	101,0
-	Khoan hiệp ngắn (cấp đđ IX)	m	101,0
-	Khoan hiệp dài (cấp đđ IX)	m	
VI	Lấy mẫu		
1	Mẫu lõi khoan	m.mẫu	291,0
2	Mẫu khoáng tương	Mẫu	15,0
3	Mẫu thạch học	Mẫu	15,0
4	Mẫu hóa nhóm	Mẫu	15,0

TT	Danh mục công tác	Đơn vị tính	Khối lượng
5	Mẫu hoá nước	Mẫu	20,0
6	Mẫu cơ lý đá, quặng	Mẫu	40,0
7	Mẫu thể trọng nhỏ	Mẫu	25,0
9	Lấy mẫu rãnh trọng lượng 10-14kg kích thước(1x0,1x0,05) m		30,0
VII	Gia công mẫu		
1	Mẫu lõi khoan + mẫu rãnh	Mẫu	321
2	Mẫu khoáng tương	Mẫu	15,0
3	Mẫu thạch học	Mẫu	15,0
VIII	Phân tích mẫu		
1	Mẫu hóa lõi khoan + mẫu rãnh (Zn+Pb)	Mẫu	321
2	Hoá nhóm 6 chỉ tiêu (Zn, Pb, Ag, Cd, In, Fe)	Mẫu	60,0
3	Mẫu kiểm soát chất lượng	Mẫu	60,0
4	Mẫu khoáng tương	Mẫu	15,0
5	Mẫu thạch học	Mẫu	15,0
6	Hoá nước toàn diện	Mẫu	20,0
7	Mẫu cơ lý đá	Mẫu	40,0
8	Mẫu thể trọng nhỏ	Mẫu	25,0
IX	Công tác tin học		
1	Công tác lập PA, BC tổng kết, Sổ hóa, in xuất bản, kiểm tra thu nhận báo cáo		
a	Lập phương án	Báo cáo	
	Lập đề án	ĐA	1,0
	Lập phương thi công	PA	1,0
	Lập báo cáo thông tin	Báo cáo	1,0
b	Lập báo cáo tổng kết	Báo cáo	1,0
	Sổ hóa các bản đồ chuyên ngành địa chất	Mảnh	60,0
	In xuất bản báo cáo (06 bộ)	Bộ	6,0
	Kiểm tra, thu nhận báo cáo	Báo cáo	1,0
2	Các công trình tạm thời		
2.1	Vận chuyển	Km	
2.2	Bảo quản và sử lý mẫu lõi khoan	Năm	
2.3	Làm đường khoan	Km	
	Làm đường mới	Km	3,5
	Sửa đường	Km	2,5
2.4	Làm nền khoan	Nền	31
	Làm nền khoan (sâu từ 0-100 m)	Nền	15
	Làm nền khoan (sâu từ 0-300 m)	Nền	16

6. Địa điểm thực hiện: Mỏ kẽm chì Cúc Đường, huyện Võ Nhai (nay là xã Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên) trong ranh giới giấy phép khai thác khoáng sản số 2305/GP-BTNMT ngày 15/11/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7. Giá trị dự toán chi phí thực hiện đề án

Giá trị dự toán chi phí thực hiện đề án thăm dò: **19.421.831.569 đồng**.
(Bằng chữ: Mười chín tỷ, bốn trăm hai mươi một triệu, tám trăm ba mươi một nghìn, năm trăm sáu mươi chín đồng). Đã bao gồm thuế VAT.

8. Thời gian, tiến độ thăm dò

Thời gian dự kiến triển khai đề án là 24 tháng.

9. Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu + Vốn vay thương mại.

Trên cơ sở đề án đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông qua. Kính trình ĐHQĐ Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico xem xét chấp thuận đề án./.

Nơi nhận: *OK*

- Như kính gửi;
- HĐQT, BGĐ Công ty (scan);
- Thư ký Công ty (CV);
- Lưu VP; KTM.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *✓*



Lý Xuân Tuyên
Lý Xuân Tuyên

Số: /NQ - ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày tháng 8 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico ban hành kèm theo Quyết định số 3133/QĐ - TMC ngày 20/9/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty;

Căn cứ Biên bản số/BB-ĐHĐCĐ-TMC họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico ngày 28/8/2025,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội, chương trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025.

Điều 2. Thông qua những nội dung chính bao gồm

1. **Phê duyệt** sửa đổi bổ sung lần thứ 5 một số nội dung tại Điều lệ Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico được ban hành kèm theo Quyết định số 3133/QĐ-TMC ngày 20/9/2022 (Có nội dung chi tiết sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Điều lệ Công ty kèm theo). Giao cho Hội đồng quản trị ký, ban hành Điều lệ Công ty theo quy định.

2. **Phê duyệt** Phương án rà soát, sắp xếp tổ chức của Công ty (Có phương án kèm theo)

3. **Phê duyệt** điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025 (Có văn bản kèm theo)

4. **Thông qua** chủ trương điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư Dự án Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên (Có văn bản kèm theo)

5. **Thông qua** ĐA thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ quặng chì kẽm Chợ Diên trong phạm vi Giấy phép khai thác khoáng sản số 09/GP-BTNMT ngày 17/01/2022 của Bộ TNMT (Có văn bản kèm theo)

6. Thông qua ĐA thăm dò nâng cấp trữ lượng quặng thiếc gốc tiểu khu phía Nam, khu Tây Núi Pháo, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên trong ranh giới Giấy phép khai thác khoáng sản số 1689/GP-BTNMT ngày 12/7/2017 của Bộ TNMT (Có văn bản kèm theo)

7. Thông qua ĐA thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ kẽm chì Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên trong ranh giới Giấy phép khai thác khoáng sản số 2305/GP-BTNMT ngày 15/11/2013 của Bộ TNMT (Có văn bản kèm theo).

Điều 3. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông có mặt tại Đại hội.

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng bất thường năm 2025 thông qua.

Điều 4. Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể Cổ đông có trách nhiệm triển khai thực hiện theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty (website);
- UBCKNN;HNX;VSD (để B/c);
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GD, Kế toán trưởng;
- Lưu: HĐQT, VP.

TM. ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG NĂM 2025
CHỦ TỊCH HĐQT

Lý Xuân Tuyên